

Pháp Trích Lục

Huỳnh Văn Niệm soạn dịch
Sài Gòn, 1973 (PL 2517)

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienlienhoa.net>

Chuyển sang ebook 06-12-2017

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Lời tựa

Tập 01

01. Ba tháng trước khi Đức Phật Thích Ca Gotama nhập Niết Bàn
02. Tám Kiên Thức Cao Thượng
03. Tám giai đoạn thoát ly ra khỏi ảnh hưởng của tâm ái dục về các sắc trần
04. Lời hứa với Ma vương
05. Những di ngôn tối hậu tại Vesali
06. Chế ngự nổi kinh hoàng nơi rừng vắng
07. Dòng nước tử sanh
08. Đức Phật giải về tư cách vô thường của những cảnh vật thiên nhiên

Tập 2

09. Kỳ thị về giai cấp
10. Thế nào là bậc Sa Môn?
11. Kiến thức của những người mù

Tập 3

12. Những nguyên tố
13. Những phép màu
14. Đức Phật chế những phép thần thông và tha tâm thông
15. Đức Phật trách phạt Tỳ kheo Pindola Bharadvaja
16. Lời giáo đạo của Đức Thế Tôn cho ngài Rahula nghe

Tập 4

17. Ông hoàng Mahanama chưa dứt trừ được phiền não
18. Giây oan trái nên mở chớ không nên buộc
19. Khúc gỗ trôi ra biển cả
20. Tư cách dứt bỏ
21. Công phu hành đạo

---o0o---

Lời tựa

*Tư cách chẳng làm điều dữ
Tư cách làm thêm việc lành
Tư cách làm cho tâm trong sạch
Đó là Giáo Pháp của chư Phật*

Cũng như vua Mi Lan Đà muốn làm cho Đức Na Tiên bí lỗi, một trí giả có tánh hay nguy biện thời Trung Cổ hỏi nhà hiền triết Hy Lạp: "Vậy trên thế gian này việc gì khó làm nhất?"

Nhưng ông ta hết sức ngỡ ngàng không hiểu gì cả khi nghe nhà hiền triết trả lời: "Việc khó làm nhất là học để tự biết lấy mình"

Câu này đồng nghĩa với câu "Tu để thấy tánh thành Phật" mà chúng ta thường được xem qua trong các kinh sách.

Mà thật vậy, đã trải qua nhiều thế hệ, các bậc thánh nhân, các nhà hiền triết, các tư tưởng gia đều không ngớt tìm hiểu cái thực chất của con người là thế nào. Các ngài khám phá trong con người có nhiều đặc tính trái nghịch nhau: Khi thì chìm đắm xuống tận đáy sâu của tội lỗi, khi thì vượt lên đỉnh cùng tột của giới đức thanh cao.

Trong mỗi cá nhân thường có hai hạng người: lúc thì tượng trưng cho loài yêu quái hung tàn, khi thì thánh thiện như bậc đại hiền cao quý.

Những nghi vấn về nhân loại là bài toán rắc rối nhất, suốt sáu ngàn năm lịch sử thế giới đã làm bận lòng biết bao nhà tâm lý học, huyền học, triết luận..., đã làm mệt mỏi biết bao ngòi bút đặc sắc, đã làm rối rắm những câu ngôn ngữ hùng hồn, đã làm điên đảo nhiều trí óc thông minh trong việc tìm kiếm một lời giải đáp thích nghi.

Trong mỗi con người đều có một điểm linh quang cứu cánh, nhưng nó thường bị che lấp bởi vô minh dày đặc được cái tâm ái dục củng cố từ vô lượng kiếp. Điểm linh quang đó (Trí Tuệ Giải Thoát) chỉ phát hiện đến những con người dũng cảm nhiệt thành, biết nhận thức đúng theo chân lý ba tướng: Vô thường - Khổ não - Vô ngã của muôn loài.

Người đời cố duy trì liên tục những tư tưởng về dục lạc và cũng ráng sa thải đối tượng của nó là sự khổ đau, nhưng đã vô tình kéo dài niềm thống khổ.

Phân tách toàn diện hiện tượng sinh linh giữa cái sống và cái chết cho thấy chúng ta biết cái sống còn cái chết thì không biết. Ta sợ cái mình không biết

và cũng sợ mất cái mà ta biết. Tuy nhiên sống và chết đều cũng nằm trong một chuỗi dài diễn biến nối tiếp với nhau mà thôi.

Thật ra, sự sống chỉ là tư cách lang thang trôi dạt triền miên của tâm thức, một hiện sinh làm bằng tranh dầu, bằng lo âu, bằng ái dục, bằng sự bất an khốn khổ để tìm một nơi yên nghỉ mà không sao đạt được.

Với nền văn minh khoa học hiện đại, trên khắp mặt quả địa cầu, từ chót cao tột của dãy Hi Mã Lạp Sơn đến vực sâu cùng tận của Đại Tây Dương, từ bãi sa mạc Trung Phi nắng cháy đến miền tuyết băng đông đặc của Bắc Cực và còn hơn thế nữa... đến cung trăng, chẳng một nơi nào thoát khỏi dấu chân của loài người. Nhưng ai nấy đều thúc thủ ngẩn ngơ, vì không tài nào thám hiểm nổi vực sâu của cái thế giới thu hẹp bề cao không tới hai thước là chính bản thân mình.

Hạng phạm phu thiếu tri quan niệm con người qua xác thân bằng xương bằng thịt với tứ chi ngũ tạng và chẳng thích thú gì khi thấy xác thân đó bị côn trùng đục khoét tan rã sau khi chết, nhưng ráng tập quen với cảnh tượng chán chê này cho đỡ khổ.

Nhiều tôn giáo với lý tưởng nông cạn thô sơ cũng nhìn nhận rằng thế gian là khổ nên cố suy tạo ra những cảnh giới khác an vui hạnh phúc hơn dành riêng cho con người sau khi chết. Ki Tô Giáo cho rằng con người là kẻ có tội. Hồi Giáo nói rằng con người thuộc hạng xấu số và Bà La Môn Giáo thì dùng con người để trắc nghiệm lý thuyết Nhị Nguyên.

Riêng Phật Giáo lại có một lẽ lỗi nhận định vi tế thuần túy về bản chất bí ẩn của tất cả chúng sanh, cho rằng sở dĩ chúng sanh phải bị luân hồi khổ ải do luôn luôn đeo đuổi theo những hình ảnh giả tạo bên ngoài và bỏ rơi cái chân tánh thiêng liêng đã sẵn có bên trong.

Căn bản của đạo Phật là một cuộc cách mạng triệt để về tâm lý để đưa con người từ ngoại cảnh trở lại nội tâm, từ lãnh vực phàm nhân sang lãnh vực siêu nhân, bằng những đường lối luân lý đạo đức rất thực tiễn và khoa học. Đức Phật nói tâm ái dục là người thợ tạo ra cái nhà ngũ uẩn và hân hoan tuyên bố khi vừa thành đạo: "Ta đã tìm ra người thợ cất nhà rồi! Từ nay người chẳng còn tạo tác nữa" (Pháp Cú). Ngài thêm rằng chính cái thân ô trược này là nguồn gốc của muôn vàn thống khổ.

Các tôn giáo khác cho rằng sự khổ chỉ có ở trong thế gian này. Đức Phật nói rằng nỗi khổ lan tràn khắp Tam Giới: Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Đó là chư thiên trên cõi trời vô sắc cũng vẫn chịu khổ nhỏ nhen vì phải mang một thân xác tuy vô hình nhưng sẽ tan biến trong thời gian nào đó. Vì

lẽ ấy, người hành đạo cần phải diệt trừ ái dục, để phá vỡ cái nhà ngũ uẩn thì mới mong thoát khổ.

Người đời cho rằng hơn là vui, thua là khổ. Phật Giáo dạy rằng hơn hay thua cũng đều là khổ. Trong suốt quá trình sanh tử, tử sanh, nhiều duyên nghiệp đã biến con người trở thành tham lam ích kỉ, hung hăng tàn bạo, sống động, tranh chấp, xung đột giết hại lẫn nhau, nước mắt đổ ra nhiều hơn nước trong biển cả và đã phơi xác trên khắp bãi tha ma.

Đúng theo tinh thần Phật Giáo, tư cách an vui tuyệt đối không phải là một cảnh giới cố định, cũng chẳng phải là cõi thiên đàng hay cực lạc mà là một trạng thái siêu việt bất di bất dịch như Đức Thế Tôn đã thuyết trong tập kinh Udana (Phật Tự Thuyết): "Thật ra, có một vương quốc mà tại đó không có gì là rắn chắc, lưu động, nung nóng, rung chuyển (Tứ Đại), không có quả địa cầu này hay quả địa cầu khác, không có mặt trời, mặt trăng, không cao, không thấp, không tới, không lui, không sanh, không diệt, không nền móng, không tiến triển, không hình thành. Đó là trạng thái chấm dứt nguồn thống khổ (Niết Bàn)".

Phần lớn những thánh kinh trong các tôn giáo khác đều được dành cho vô số giáo điều và nghi lễ phụng thờ khẩn vái, cầu xin ân trên đoái hoài cứu rỗi. Trái lại, Đức Phật nói rất ít về bốn phận ở đời của người Phật Tử tại gia, không dạy cúng kiến khẩn cầu và hầu hết tám muôn bốn ngàn pháp môn đều chú trọng về đường lối hành đạo, trau dồi giới đức, rèn luyện nội tâm để mau thoát khổ.

Tất cả những Phật Ngôn trong quyển "Pháp Trích Lục" đều nhằm về các pháp hành, đường lối tu tập, có tánh cách lợi ích quan trọng dành riêng cho bậc hành giả nhiệt thành dũng cảm quyết tâm đi tới mục đích an vui cao thượng.

Huỳnh Văn Niệm
Sài Gòn, 1973

---o0o---

Tập 01

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammasambudhassa.

01. Ba tháng trước khi Đức Phật Thích Ca Gotama nhập Niết Bàn

Sáng sớm, Đức Thế Tôn mặc y mang bát đi trì bình về phía thành Vesali. Sau khi trở về độ ngọc xong, Ngài dạy Đại Đức Ananda như vậy: "Ngày

Ananda, người hãy mang theo một chiếc chiếu cho Như Lai vào nghỉ trưa tại thánh địa Chapala". Đức Ananda liền ôm chiếu đi theo sau Đức Phật.

Khi đến nơi, Ngài an tọa trên chiếu và Đức Ananda cung kính ngồi bên ngoài gần đó. Bỗng nhiên Đức Phật mở lời:

"Này Ananda, thành Vesali thật tráng lệ huy hoàng làm sao! Lại còn nhiều thắng cảnh khác rất hấp dẫn thú vị biết bao! Như những thánh địa Udena và Gotamaka, thánh địa Bảy Cây Xoài, những thánh địa Sarandada và Chapala". Rồi Đức Thế Tôn thuyết tiếp:

"Này Ananda, người nào đã thực hành, đã làm phát triển, đã thành đạt bốn pháp "Tứ Như Ý Túc" (hay là Tứ Thần Túc), đã vượt lên tới tột điểm của Pháp Môn ấy và có khả năng điều khiển nó tùy theo sở thích, thì người dùng đó làm phương tiện, làm căn bản. Nếu muốn, người có thể kéo dài đời sống tới một kiếp trái đất hoặc suốt thời gian còn lại của kiếp ấy".

"Này Ananda, Như Lai đã thực hành và thành đạt hoàn toàn bốn Pháp Tứ Như Ý Túc và biết dùng chúng làm phương tiện. Nếu muốn, Ta có thể kéo dài cuộc sống bằng một kiếp trái đất hay suốt thời gian còn lại của kiếp đó".

Thật rất rõ rệt. Nhưng ngài Ananda lại không nhận thức được sự gợi ý của Đức Thế Tôn nên vẫn im lặng, chẳng tỏ một lời thành khẩn: "Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài rộng lòng từ bi bác ái ở lại với chúng con cho tới hết kiếp quả địa cầu. Ở lại vì hạnh phúc của phần đông. Ở lại vì tình thương đối với chúng sanh, vì lợi ích an vui cho khắp chư thiên và nhân loại". Rủi thay, khi ấy tâm trí của Đức Ananda bị Ma vương ám ảnh.

Đức Phật lập lại những lời nói đó đến lần thứ nhì, lần thứ ba, nhưng ngài Ananda vẫn lặng thinh.

Rồi Đức Phật dạy Đại đức Ananda di hành sự tùy ý để cho Ngài an nghỉ. Đại đức Ananda đi vòng qua bên phải Đức Thế Tôn, kính cẩn đánh lễ rồi tìm đến dưới một cội cây, ngồi cách xa nơi đó.

Vừa lúc ấy Ma vương hiện đến, đứng trước Đức Đại Giác và khẩn cầu: "Kính bạch Đấng Chí Tôn, xin Ngài hãy ra đi nội hôm nay. Đã đến lúc Ngài nên diệt độ cho xong để giữ đúng lời hứa hẹn khi Ngài vừa thành đạo. Lúc đó Ngài có nói như vậy: "Này Ma vương xấu xa tội lỗi. Như Lai chỉ ra đi khi nào các đệ tử khắp hàng tứ chúng: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, thiện nam, tín nữ có đầy đủ đức tin cao cả và được thuần thực trong Giáo Pháp. Khi nào chúng trở nên nhiệt thành để dạy, học thức uyên thâm. Khi nào các đệ tử thông suốt Giáo Lý, biết tẩy trừ những điều xấu xa tội lỗi. Khi nào chúng biết sống theo lẽ phải, nghiêm trì giới luật, có đủ khả năng làm phát triển chân lý, biết truyền bá Chánh Pháp một cách giải giã rành mạch. Khi nào các đệ tử có

đủ tài đức phổ biến Giáo Lý và làm cho Chánh Đạo được lan rộng khắp nơi".

Ma vương tiếp:

"Kính bạch Đấng Chí Tôn Chí Thánh, hiện nay các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni trong Tăng Hội, nhưng môn đệ nam nữ tại gia đều có đầy đủ đức tin và thuần thực trong Giáo Pháp, đều nhiệt thành dễ dạy, học thức uyên thâm, đều suốt thông Giáo Lý, biết tẩy trừ những tật xấu xa tội lỗi, đều biết sống theo lẽ phải, nghiêm trì Giới Luật, có đủ khả năng làm phát triển Chân Lý, truyền bá Chánh Pháp một cách giỏi giảo rành mạch, biết phổ biến Giáo Lý và khuếch trương Chánh Đạo lan rộng khắp nơi.

"Kính bạch Đấng Chí Tôn Chí Thánh, vậy xin Ngài hãy ra đi nội hôm nay. Đã đến lúc Ngài nên diệt độ cho xong để giữ đúng lời cam kết khi vừa thành đạo".

Khi Ma vương dứt lời, Đức Phật đáp:

"Này Ma vương xấu xa tội lỗi, vậy ngươi nên vững dạ, toại chí reo mừng đi. Đấng Chánh Đẳng Chánh Giác sẽ lìa bỏ trần gian trong những ngày sắp tới. Kể từ hôm nay, hết ba tháng nữa Như Lai sẽ nhập Niết Bàn".

Tại thánh địa Chapala, với tâm trí hoàn toàn sáng suốt, Đức Thế Tôn đã dứt khoát về cuộc đời trên cõi thế.

Và lúc Ngài quyết định vừa xong, quả địa cầu chuyển động vô cùng khủng khiếp, vòm trời tối sầm ảm đạm, sấm sét tua vang rền khắp bốn phương tám hướng. Đức Thế Tôn ngâm kệ:

Đấng Đại Hiền từ bỏ định kỳ về lẽ sống,
Sa thải những căn nguyên lớn nhỏ của kiếp nhân sinh.
Với nội tâm an tĩnh nhẹ nhàng, Ngài phá vỡ mảnh thiết y,
Nguồn gốc của cuộc đời huyền ảo."

Khi ấy Đại đức Ananda phát tâm suy nghĩ: Thật lạ thay! Kỳ diệu thay! Tại sao quả địa cầu chuyển động khủng khiếp như thế? Tại sao sấm sét lại bủa khắp vòm trời? Nghĩ xong Ngài đến nơi Phật ngự, cung kính đánh lễ, ngồi kế bên và nói: "Bạch Đức Thế Tôn, thật lạ thay! Kỳ diệu thay! Chẳng biết do duyên cớ nào, do nguyên nhân gần hay xa mà quả địa cầu chuyển động mạnh mẽ và sấm sét bủa khắp vòm trời như thế?" Đức Phật đáp:

"Này Ananda, có tám nguyên nhân gần hoặc xa làm cho trái đất rung chuyển vì quả địa cầu hùng vĩ này được thành hình trên nước, nước ở trên gió và gió ở trên hư không. Sau đây là tám nguyên nhân đó:

1) Có những lúc ngọn cuồng phong thổi mạnh làm cho khối nước lay động dữ dội. Tiếp theo đó, các lượn sóng ba đào tung bủa khắp nơi làm cho quả địa cầu rung chuyển. Đây là nguyên nhân gần hoặc xa thứ nhất làm cho quả địa cầu chuyển động.

2) Khác nữa là trường hợp một đạo sĩ hay Bà La Môn có nhiều năng lực nhiệm màu do pháp Thiên Định, biết chế ngự nội tâm, hoặc một thiên thần nào đó tham thiên về thành phần nhỏ của chất đất rồi đem nó ra so sánh với khối nước rộng lớn bao la. Trạng thái phân chia lớn nhỏ về các hiện tượng vật chất đó là một phương tiện hữu hiệu mà những hành giả kể trên có thể áp dụng để làm rung chuyển quả địa cầu. Đây là nguyên nhân gần hay xa thứ hai làm cho quả địa cầu chuyển động.

3) Khác nữa là trường hợp một vị Bồ Tát, sáng suốt biết mình rời khỏi cung trời Đâu Suất giáng trần để kết vào thai bào. Đây là nguyên nhân gần hay xa thứ ba làm cho quả địa cầu chuyển động.

4) Khác nữa là trường hợp Đức Bồ Tát sáng suốt biết mình rời khỏi lòng mẹ. Đây là nguyên nhân gần hay xa thứ tư làm cho quả địa cầu chuyển động.

5) Khác nữa là trường hợp Đấng Như Lai được hoàn toàn giác ngộ thành đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Đây là nguyên nhân gần hay xa thứ năm làm cho quả địa cầu chuyển động.

6) Khác nữa là trường hợp một Đức Phật Toàn Giác chuyển bánh xe Pháp để cứu độ chúng sanh. Đây là nguyên nhân gần hay xa thứ sáu làm cho quả địa cầu chuyển động.

7) Khác nữa là trường hợp một Đấng Như Lai quyết định rời khỏi thế gian. Đây là nguyên nhân gần hay xa thứ bảy làm cho quả địa cầu chuyển động.

8) Khác nữa là trường hợp một Đấng Như Lai hoàn toàn tịnh tịch vào cõi Niết Bàn, không còn dư sót gì trên cõi thế (ngũ uẩn tuyệt đối tan rã, vô dư y Niết Bàn). Đây là nguyên nhân gần hay xa thứ tám làm cho quả địa cầu chuyển động."

-- Kinh Đại Bát Niết Bàn, Trường Bộ

---o0o---

02. Tám Kiến Thức Cao Thượng

"Này Ananda, còn đây là tám kiến thức cao thượng (liên quan đến sắc trần và các giác quan):

1) Khi người giới tử có tư tưởng chủ quan về sắc trần nhìn thấy ở ngoài bản thân vật chi cao quý hay hèn hạ, vừa lòng hay phật ý, có tánh cách hữu biên

(có giới hạn) mà biết chế ngự nó (không chấp). Người sáng suốt nhận định đúng theo chân lý về những gì mình đã thấy, đã biết. Đó là kiến thức cao thượng thứ nhất (liên quan đến sắc trần và các giác quan).

2) Khi người giới tử có tư tưởng chủ quan về sắc trần nhìn thấy ở ngoài bản thân vật chi cao quý hay hèn hạ, vừa lòng hay phật ý, có tánh cách vô biên (không có giới hạn) mà biết chế ngự nó. Người sáng suốt nhận định đúng theo chân lý về những gì mình đã thấy, đã biết. Đó là kiến thức cao thượng thứ hai.

3) Khi người giới tử không có tư tưởng chủ quan về sắc trần nhìn thấy ở ngoài bản thân vật chi cao quý hay hèn hạ, vừa lòng hay phật ý, có tánh cách hữu biên mà biết chế ngự nó. Người sáng suốt nhận định đúng theo chân lý về những gì mình đã thấy, đã biết. Đó là kiến thức cao thượng thứ ba.

4) Khi người giới tử không có tư tưởng chủ quan về sắc trần nhìn thấy ở ngoài bản thân vật chi cao quý hay hèn hạ, vừa lòng hay phật ý, có tánh cách vô biên mà biết chế ngự nó. Người sáng suốt nhận định đúng theo chân lý về những gì mình đã thấy, đã biết. Đó là kiến thức cao thượng thứ tư.

5) Khi người giới tử không có tư tưởng chủ quan về sắc trần nhìn thấy ở ngoài bản thân vật chi có màu xanh, hình dáng xanh, phản chiếu ra sắc xanh như bông cây gai mang màu xanh, có hình dáng xanh, phản chiếu ra màu xanh; hoặc thứ nhung xanh làm tại thành Bénarès ửng ra màu xanh cả hai mặt. Người giới tử sáng suốt nhận định đúng theo chân lý về vật gì mang màu xanh mà mình đã thấy, đã biết và chế ngự nó. Đó là kiến thức cao siêu thứ năm.

6) Khi người giới tử không có tư tưởng chủ quan về sắc trần nhìn thấy ở ngoài bản thân vật chi có màu vàng, hình dáng vàng, phản chiếu ra sắc vàng như bông Kanikara mang màu vàng có hình dáng vàng, phản chiếu ra màu vàng; hoặc thứ nhung vàng làm tại thành Bénarès ửng ra màu vàng cả hai mặt. Người giới tử sáng suốt nhận định đúng theo chân lý về vật gì mang màu vàng mà mình đã thấy, đã biết và chế ngự nó. Đó là kiến thức cao siêu thứ sáu.

7) Khi người giới tử không có tư tưởng chủ quan về sắc trần nhìn thấy ở ngoài bản thân vật chi có màu đỏ, hình dáng đỏ, phản chiếu ra sắc đỏ như bông Bandhu Givaka mang màu đỏ có hình dáng đỏ phản chiếu ra màu đỏ; hoặc thứ nhung đỏ làm tại thành Bénarès ửng ra màu đỏ cả hai mặt. Người giới tử sáng suốt nhận định đúng theo chân lý về vật gì mang màu đỏ mà mình đã thấy, đã biết và chế ngự nó. Đó là kiến thức cao siêu thứ bảy.

8) Khi người giới tử không có tư tưởng chủ quan về sắc trần nhìn thấy ở ngoài bản thân vật chi có màu trắng, hình dáng trắng, phản chiếu ra sắc trắng như ánh sao mai mang màu trắng có hình dáng trắng, phản chiếu ra màu trắng; hoặc thứ hung trắng làm tại thành Bénarès ửng ra màu trắng cả hai mặt. Người giới tử sáng suốt nhận định đúng theo chân lý về vật gì mang màu trắng mà mình đã thấy, đã biết và chế ngự nó. Đó là kiến thức cao siêu thứ tám.

-- Kinh Đại Bát Niết Bàn, Trường Bộ

---o0o---

03. Tám giai đoạn thoát ly ra khỏi ảnh hưởng của tâm ái dục về các sắc trần

"Này Ananda, sau đây là tám giai đoạn thoát ly ra khỏi ảnh hưởng của tâm ái dục về các sắc trần.

- 1) Khi người mang một sắc tướng (xác thân), biết nhìn xem những sắc tướng khác. Đây là giai đoạn giải thoát thứ nhất.
- 2) Khi người biết mình không mang một sắc tướng, biết nhìn xem những sắc tướng ở ngoài bản thân. Đây là giai đoạn giải thoát thứ hai.
- 3) Khi người có ý nghĩ "Đó là tốt tươi đẹp đẽ" rồi hoàn toàn bị cảm nghĩ đó thu hút. Đây là giai đoạn giải thoát thứ ba.
- 4) Khi người vượt qua khỏi ý nghĩ về hình sắc, không còn xúc động bởi sự va chạm với sắc trần, chẳng quan tâm đến tư cách khác biệt về hình sắc và nghĩ rằng: "Toàn là Hư Không Vô Biên". Lúc đó người ở vào tình trạng "Không Vô Biên". Đây là giai đoạn giải thoát thứ tư. (Bậc thiền vô sắc thứ nhất, "Không Vô Biên Thiên").
- 5) Vượt qua khỏi giai đoạn Không Vô Biên, người suy nghĩ: "Chỉ toàn là Tri Giác Vô Biên và bước vào trạng thái "Thức Vô Biên". Đây là giai đoạn giải thoát thứ năm (Bậc thiền vô sắc thứ hai, "Thức Vô Biên Thiên").
- 6) Vượt qua khỏi giai đoạn Thức Vô Biên, người suy nghĩ: "Chẳng có gì cả và bước vào trạng thái "Vô Hữu". Đây là giai đoạn giải thoát thứ sáu. (Bậc thiền vô sắc thứ ba, "Vô Hữu Sở Thiên").
- 7) Vượt qua khỏi giai đoạn Vô Hữu, người suy nghĩ: "Chỉ toàn là trạng thái Không Có Không Không về tư tưởng và bước vào lãnh vực "Phi Phi Tướng". Đây là giai đoạn giải thoát thứ bảy. (Bậc thiền vô sắc thứ tư "Phi Phi Tướng Thiên").

8) Vượt qua khỏi lãnh vực Phi Phi Tướng, người bước vào trạng thái cuối cùng cao tột, chẳng còn tư tưởng và cảm giác gì cả: "Diệt Thọ Tướng" (Giải thoát hoàn toàn). Đây là giai đoạn giải thoát thứ tám.

-- Kinh Đại Bát Niết Bàn, Trường Bộ

---o0o---

04. Lời hứa với Ma vương

"Này Ananda, một thuở nọ, vừa sau khi thành đạo và lúc Như Lai đang ngồi nghỉ dưới cội cây Nigrodha trên bờ sông Neranjara (Sông Ni Liên) thì Ma vương xấu xa tội lỗi hiện đến trước mặt Ta và nói: "Hỡi Đấng Chí Tôn Chí Thánh! Xin Ngài hãy ra đi nội hôm nay, hãy diệt độ nội hôm nay. Đã đến lúc Đấng Chí Tôn nhập Niết Bàn".

"Này Ananda, Như Lai liền đáp:

"Này Ma vương xấu xa tội lỗi, Ta không khi nào tịch diệt trước khi Tăng chúng và hàng thiện nam tín nữ tại gia có đầy đủ đức tin, trở nên thuần thực dễ dạy, thông suốt ghi nhớ Giáo Pháp từ phần phụ thuộc tới phần chánh yếu và có đủ tài đức đem ra giảng giải, chỉ giáo rành mạch, phổ biến rộng rãi để đối phó với những lý thuyết sai lầm tà vạy... Ta không khi nào nhập diệt trước khi Giáo Lý trong trắng toàn hảo của Ta xây dựng chưa được khuếch trương rộng rãi đến hàng nhân loại, Chánh Pháp chưa được thanh hành phong phú".

"Này Ananda, và hôm nay, tại thánh địa Chapala, Ma vương cũng vừa hiện đến nhắc lại những lời Ta thốt ra khi trước. Như Lai cũng đã trả lời: "Hỡi Ma vương xấu xa tội lỗi! Ngươi hãy toại chí vui mừng đi. Ta sẽ ra đi trong những ngày sắp tới. Kể từ hôm nay, hết ba tháng nữa Như Lai sẽ nhập Niết Bàn".

"Này Ananda, và cũng trong hôm nay, tại thánh địa Chapala, Đức Như Lai đã sáng suốt dứt khoát cuộc đời trên cõi thế".

Sau khi Đức Thế Tôn dứt lời, Đại đức Ananda mới thiết tha thành khẩn: "Bạch Đấng Đại Giác, xin Ngài rộng lượng từ bi bác ái ở lại với chúng con cho hết kiếp này. Ở lại vì tình thương đối với chúng sanh. Ở lại vì lợi ích an vui cho phần đông. Ở lại vì hạnh phúc của chư thiên và nhân loại".

Phật đáp:

"Này Ananda, không thể được, ngươi chớ cố khẩn cầu. Thời kỳ van xin đã qua rồi".

Đại đức Ananda lập lại lời khẩn nguyện lần thứ nhì, lần thứ ba

Đức Phật nói:

"Này Ananda, hỏi vậy người có đức tin nơi Tuệ Giác của Như Lai không?".

- "Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử đã tin chắc".

- "Như vậy tại sao người còn làm rộn Ta đến lần thứ ba?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, chính đệ tử có nghe từ cửa miệng Ngài thuyết ra như vậy: "Người nào đã thực hành, đã làm phát triển và đã thành đạt bốn Pháp Tứ Như Ý Túc, đã vượt lên tới tột điểm của pháp môn ấy và có khả năng điều khiển nó tùy theo sở thích, thì người dùng đó làm một phương tiện, một căn bản. Nếu muốn, người có thể kéo dài đời sống bằng một kiếp trái đất hoặc suốt thời gian còn lại của kiếp đó. Và Đức Như Lai cũng đã thực hành và thành đạt bốn Pháp Tứ Như Ý Túc. Nếu muốn, Ngài có thể kéo dài cuộc sống bằng một kiếp trái đất hay suốt thời gian còn lại của kiếp đó".

Phật hỏi:

"Người đã nhớ chắc như vậy?"

- "Bạch Đức Thế Tôn phải".

- "Đó là lỗi tại người. Như Lai đã ngỏ lời rõ ràng minh bạch. Nhưng vì quá tối tăm nên người không suy đoán ra sự gợi ý và chẳng khấn cầu Ta ở lại. Đức Như Lai có thể khước từ hai lượt trong lúc đó, nhưng tới lần thứ ba ắt đã nhận lời. Đó là lỗi tại người. Vì người quá tối mê lầm lẫn.

"Này Ananda, và cũng trong hôm nay, tại thánh địa Chapala. Như Lai có gợi ý như vậy: "Thành Vesali thật tráng lệ huy hoàng làm sao! Lại còn có nhiều thắng cảnh khác rất hấp dẫn thú vị biết bao! Như những thánh địa Udena và Gotamaka, thánh địa Bảy Cây Xoài, hai thánh địa Sarandada và Chapala. Rồi Ta lại nói: "Người nào đã thực hành, đã làm phát triển, đã thành đạt bốn Pháp Tứ Như Ý Túc, đã vượt lên tới tột điểm của Pháp Môn đó và có khả năng điều khiển nó tùy theo sở thích, thì người dùng đó làm một phương tiện, một căn bản. Nếu muốn, người có thể kéo dài đời sống bằng một kiếp trái đất hoặc suốt thời gian còn lại của kiếp đó. Ta cũng có nói:

"Như Lai đã thực hành và thành đạt hoàn toàn bốn Pháp Tứ Như Ý Túc và biết dùng chúng làm phương tiện. Nếu muốn, Ta có thể kéo dài đời sống bằng một kiếp trái đất ha suốt thời kỳ còn lại của kiếp đó. Nếu không tối mê và suy đoán được những điều ấy, hẳn người đã thỉnh cầu Như Lai ở lại. Ta có thể khước từ lần thứ nhất, lần thứ hai, nhưng chấp nhận đến lượt thứ ba. Đó là lỗi tại người. Vì người đã tối mê lầm lẫn".

"Này Ananda, giờ đây Ta nhắc lại những lời đã công bố trước kia rằng: "Bản chất của những vật cấu tạo thân yêu triu mến là vô thường khôn quản. Thế

nào cũng xa lìa chúng. Không sao khác được. Mỗi vật được thành hình do sự phối hợp, tất nhiên phải có ngày tan rã. Làm sao tránh khỏi sự đổ vỡ đặng? Không tìm đâu ra một trường hợp như vậy.

"Này Ananda, bởi lẽ đó Như Lai đã vất bỏ xác thân, đã thoát ly ra khỏi quan niệm về sắc tướng chẳng ngại gì đến sự kéo dài kiếp sống, nên Ta đã dứt khoát công bố: "Đấng Như Lai sẽ ra đi trong những ngày sắp tới. Kể từ hôm nay hết ba tháng nữa Như Lai sẽ nhập Niết Bàn". Không vì lẽ tham sống mà Như Lai chẳng giữ lời nói? Sự việc này được quyết định với đầy đủ trí tuệ, không sao thay đổi đặng".

Rồi Đức Thế Tôn dạy Đại đức Ananda nhóm họp tất cả Tăng Chúng tại phòng giảng Kutagara để nghe lời giáo huấn trước buổi chia ly.

-- Kinh Đại Bát Niết Bàn, Trường Bộ

---oOo---

05. Những di ngôn tối hậu tại Vesali

Đức Thế Tôn vào ngự trong phòng giảng Kutagara. Ngài an tọa trên bức thảm xong rồi thuyết:

"Hỡi này các Tỳ kheo! Những chân lý đã được khám phá, Như Lai đều đem ra chỉ dạy các người. Các người nên ráng học hỏi suốt thông, cố gắng thực hành. Các người nên chú tâm quán xét về những chân lý ấy, Hãy phổ biến rộng rãi khắp gần xa làm cách nào cho Chân Pháp được trường tồn vĩnh cửu bền bỉ lâu dài vì lợi ích của phần đông, vì tình thương chúng sanh, vì hạnh phúc an vui cho chư thiên và nhân loại".

"Này các Tỳ kheo, mà những chân lý đã được khám phá và Như Lai đã đem ra chỉ dạy các người là thế nào? Đó là:

Tứ Niệm Xứ

Tứ Chánh Cần

Tứ Như Ý Túc

Ngũ Căn

Ngũ Lực

Thất Giác Chi (Bảy nhân sanh quả Bồ Đề)

Bát Chánh Đạo.

"Hỡi các Tỳ kheo! Vậy các người hãy nghe đây:

"Tất cả những vật hữu vi (cấu tạo) đều phải hư hoại. Các người nên đem hết sức mình để tìm lối thoát. Đức Như Lai sẽ tịch diệt trong những ngày sắp tới. Kể từ hôm nay, hết ba tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Niết Bàn". Rồi Ngài ngâm kệ:

Những năm dài nay đà tròn đủ
Kiếp sống Ta cũng đã tới ngày chấm dứt.
Từ biệt các con, Như Lai sẽ ra đi,
Không nên chỉ trông cậy nơi ta.
VẬY các con hãy luôn luôn chăm chú, ghi nhớ biết mình,
Hãy bền lòng niệm tưởng, quán xét nội tâm,
Kẻ nào một dạ chẳng sòn,
Sẽ vượt qua khỏi trùng dương sanh tử,
Sẽ kết thúc tất cả những điều thống khổ.

-- Kinh Đại Bát Niết Bàn, Trường Bộ

---o0o---

06. Chế ngự nổi kinh hoàng nơi rừng vắng

Thử nọ đức Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên Tịnh Xá của trưởng giả Cấp Cô Độc, gần thành Xá Vệ, có người Bà La Môn tên Janussoni đến viếng.

Sau khi đánh lễ, chào hỏi xã giao và ngồi xong, ông ta hỏi Phật: "Thưa thầy Gotama, có những thanh niên con nhà cao quý rất tin tưởng và xin thọ giáo cùng thầy. Họ rời bỏ gia đình như kẻ hành hương đi tìm sống lang thang trong cảnh không nhà. Họ vất vả theo đạo sĩ Gotama, tôn ông là bậc thầy và chấp nhận Giáo Lý của ông".

Đức Phật đáp:

"Này Janussoni, chính phải vậy, có những chàng thanh niên con nhà cao quý, tin tưởng Như Lai nên đã rời gia đình như kẻ hành hương đi tìm sống lang thang trong cảnh không nhà".

- "Thưa thầy Gotama, như vậy thì chẳng có chi khôn quẩn nông nổi bằng cuộc sống nơi chốn rừng sâu hoang vắng, không người, xa thôn xa xóm. Cảnh quanh hiu như thế hẳn đè nặng lên thầy Tỳ kheo phải sống cô đơn nơi u tịch kinh hoàng làm cho tâm trí người luôn luôn xao xuyến nếu chưa đạt tới mức độ định tâm cao cả".

- "Này người Bà La Môn, phải như vậy. Trước khi được giác ngộ, Như Lai cũng sống trong tình trạng lo âu sợ hãi như thế. Nhưng Ta lại suy nghĩ: "Thật rất khó lòng sống nơi chốn rừng sâu âm u vắng vẻ, đối với thầy đạo sĩ bỏ gia cư liền sẵn ra đi tìm nơi ẩn dật cô đơn hiu quạnh nhưng tâm trí không trong sạch, chứa đầy tham dục, nên phải sợ hãi kinh hoàng. Những kẻ sống nơi rừng vắng, nhưng còn tham lam, sân hận, si mê, lười biếng, có tư tưởng tà vạy, tánh tình bồn chồn ngờ vực, nhạy cảm, nên phải sợ hãi kinh hoàng. Hoặc những kẻ ẩn dật nơi rừng vắng mà còn cống cao ngã mạng ham muốn

xấu xa, mong tìm danh lợi, vô nghề nghiệp khi ở ngoài đời, tánh tình bất cần, tìm vào rừng trú ẩn nhút thòi, hoặc muốn ngao du cho biết đây biết đó, hoặc điên rồ tọc mạch.. nên phải sợ hãi kinh hoàng. Vì chưa sắp đặt thân tâm phù hợp với cuộc sống cô đơn nên những kẻ ấy phát tâm sợ hãi kinh hoàng.

"Này người Bà La Môn, còn về phần Như Lai, khi vào ẩn dật nơi rừng vắng thì Ta đã vất bỏ tất cả những điều xấu xa như nhớp đó, cố gắng giữ mình trong sạch từ hành động, từ lời nói, từ ý nghĩ, tâm trí luôn luôn an tĩnh, thắm nhuần từ bi nhẫn nại. Như Lai là một trong số những chàng thanh niên thuộc gia đình cao quý rời bỏ gia cư đi tìm sống cô đơn nơi rừng vắng hoang vu u tịch, với phẩm hạnh trong sạch thanh cao, nên ta rất hoan hỉ thích thú sống nơi rừng vắng".

"Này Janussoni, lúc đó một ý nghĩ phát sanh đến cho ta: "Tại sao ta không thừa dịp những đêm trăng khuyết hay trăng tròn, những đêm trăng thượng tuần hoặc hạ tuần, tìm rút vào chốn thâm sâu cùng cốc, an tọa dưới một cội cây, nơi thường phát sanh nhiều cảnh tượng rừng mình rợn gáy để trải nghiệm xem mức độ kinh sợ lên cao thế nào?"

"Này Janussoni, rồi thừa dịp những đêm trăng tròn, hay những đêm trăng thượng tuần hoặc hạ tuần, ta đi sâu vào rừng vắng, ngồi dưới tàng cây to, nghỉ đêm tại nơi thường phát sanh nhiều cảnh tượng rừng mình rợn gáy. Lúc ta đang tĩnh tọa, có nhiều giống thú rừng men đến gần. Một con sơn dương phóng qua phía trước. Một con công làm rớt những cành cây khô. Gió thổi rào rào xuyên qua những lá vàng. Ta tự nghĩ: "Nỗi lo sợ kinh hoàng đã tới rồi! Mà tại sao ta lại ngồi yên để tiếp đón nó? Biết vậy, ta cương quyết sáng suốt đương đầu với thử thách và chế ngự điều sợ hãi."

"Này Janussoni, lúc ta đang đi, nỗi lo sợ kinh hoàng lại phát sanh. Biết vậy, ta không dừng bước, không ngồi xuống, không nằm, sáng suốt cương quyết đương đầu với thử thách và chế ngự nó."

"Khi ta đang đứng, nỗi lo sợ kinh hoàng cũng phát sanh. Biết vậy, ta không đi, không ngồi, không nằm, sáng suốt cương quyết đương đầu với thử thách và chế ngự nó."

"Khi ta đang nằm, nỗi lo sợ kinh hoàng, cũng phát sanh. Biết vậy, ta không đứng dậy, không đi, không ngồi, sáng suốt cương quyết đương đầu với thử thách và chế ngự nó."

"Này Janussoni, có nhiều đạo sĩ cho rằng ngày và đêm cũng như nhau, Như Lai lại nói: "Ngày là ngày và đêm vẫn là đêm".

"Người thức thời có thể nhận định về Như Lai đúng theo chân lý như vậy: "Một con người thoát ly ra khỏi tham dục si mê đã xuất hiện trên thế gian vì lợi ích của phần đông, vì an vui hạnh phúc của chư thiên và nhân loại".

"Này Janussoni, rồi Ta nhứt quyết, tâm trí chăm chú không xao lãng, thân hình an tĩnh không rung động tập trung tư tưởng.

"Vất bỏ năm pháp chướng ngại: tham dục, sân hận, hôn trầm, phóng tâm và hoài nghi, Ta bước vào sơ thiên với tâm: Tầm, Sát, Phi lạc, An vui và Định.

"Tiếp theo đó, tâm Ta trở nên an tịnh và tư tưởng thẳng bằng, không còn Tầm và Sát và Ta nhập vào nhị thiên.

Kế đó, Ta trở nên an vui thơ thới, thoát ly ra khỏi tham dục, tâm trí yên tĩnh, ghi nhớ biết mình và bước vào tam thiên với tâm Xả, an vui và Định, giai đoạn mà bậc hiền triết hằng hoan hô: "Hạnh phúc thay! Khi con người được an trú trong sự an tịnh và ghi nhớ biết mình!".

"Vất bỏ tất cả những nỗi vui buồn, dẹp qua một bên những ký ức khổ vui quá khứ, thân tâm an trú thơ thới nhẹ nhàng và chỉ còn lại tâm Niệm và tâm Xả, Ta nhập vào tứ thiên.

"Này Janussoni, với tâm trí an tịnh, sáng suốt, trong sạch chẳng chút bợn nhơ, Ta tìm nhớ lại những kiếp quá khứ. Bắt đầu 1 kiếp, rồi 2, 3, 4, 5, 10, 20, 50, 100, 1.000, 100.000 kiếp. Trong mỗi kiếp tái sanh ra sao? thuộc gia đình nào? tên họ chi? làm nghề gì? vui khổ ra sao? rồi chết và tái sanh nữa với định mạng như thế nào? mỗi mỗi Ta đều biết rõ.

"Tiếp theo đó, Ta hướng tâm quan sát qua lãnh vực của các chúng sanh, thấu rõ những tình trạng sanh diệt, nghiệp báo, luân hồi, vận mạng.. của chúng.

"Sau cùng, Ta chú tâm quán xét về tư cách sanh diệt của những Nhân và Duyên đúng theo chân lý, biết rằng đây là sự khổ, đây là nguyên nhân sự khổ, đây là tư cách diệt khổ và đây là con đường đưa đến nơi dứt khổ. Biết do đâu mà phiền não phát sanh và khi tận trừ được: tham dục, sân hận, si mê, màn vô minh tan biến, Ta biết rằng đã được hoàn toàn giác ngộ, đã sống đầy đủ cuộc đời đạo đức, mọi việc đã làm xong và chẳng còn phận sự gì trên thế gian này nữa".

"Này Janussoni, người có thể nghĩ rằng: "Hiện nay thầy sa môn Gotama cũng chưa diệt được tham lam, sân hận, si mê. Bởi vậy thầy tìm sống cuộc đời cô độc nơi hoang vắng. Nhưng người chớ có ý nghĩ sai lầm như thế. Sở dĩ Như Lai thích sống cô đơn là vì quan niệm được nhiều điều lợi ích nơi rừng vắng âm u cô tịch. Chẳng những giờ đây Ta tìm được sự lợi ích cho

bản thân, mà cũng vì lòng từ bi bác ái đối với những kẻ nào biết lấy đó làm gương để đến sau".

Tới đây thầy Bà La Môn Janussoni liền mọp xuống kính cẩn:

"Thật quả như vậy, Đức Sa Môn đáng kính Gotama vì lòng từ bi bác ái nên đã làm gương cho những kẻ đến sau. Thật rất xứng đáng là cử chỉ của bậc thánh nhân (A La Hán) đã đi đến nơi hoàn toàn giác ngộ. Tuyệt diệu thay Đấng Chí Tôn Gotama! Cao đẹp thay! Cũng như người ta đỡ đứng vật gì ngã trên mặt đất, như tìm được vật gì bị che giấu, như chỉ nẻo cho người lạc lối, hoặc người ta đem ngọn đèn vào chỗ tối cho những ai có mắt muốn thấy rõ mọi vật. Thì cũng như thế ấy Đấng Chí Tôn Gotama đã giải thích Giáo Lý rõ ràng minh bạch.

"Vậy tôi xin tôn Ngài là bậc thầy và xin nương nhờ nơi Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo. Cầu xin Đấng Chí Tôn nhận tôi làm đệ tử kể từ nay cho đến trọn đời".

-- *Tương Ưng Bộ*

Lời của dịch giả

Kinh Mahabharata có chép: "Rừng vắng thu hút những tâm hồn chán nản trầm tư mặc tưởng. Lánh xa xã hội nhe nhóp của người đời, thầy đạo sĩ tìm ẩn dật nơi cô tịch lặng lẽ để hủy diệt lòng tham dục si mê, nguồn gốc của muôn ngàn thống khổ. Được tự do, chẳng còn bị vật chi ràng buộc, thầy sa môn có đủ khí giới đánh bại chúng bằng cách kiểm soát thân tâm. Người biết rằng diệt được tham lam, sân hận, si mê, là chiến thắng cả thế gian, cả những vùng bao la vô tận, như là chiến thắng được bản thân. Người hành trình đơn độc như loài tê giác, không vợ con bè bạn và chỉ nuôi sống bằng thiên định".

Tự cổ chí kim, các bậc hiền triết muốn tìm đạo giải thoát đều lánh xa trần tục, tìm vào chốn núi cao rừng thẳm để trau dồi giới đức. Vì núi rừng có nhiều lợi thế cho những ai dưng cảm như loài chúa sơn lâm, quyết tâm trì chí tìm đến tham thiên nhập định. Rừng thẳm rất ít người lui tới, không tiếng tăm náo nhiệt ồn ào như cuộc sanh hoạt vật chất tội lỗi chốn thị thành. Nhưng người thế vẫn trớ trêu bịa đặt ra những câu châm ngôn: "Nhứt tu thị nhị tu lâm, Nhứt tu tâm nhì tu giới", trong khi mình đang quây quần giữa dòng đời, không ngớt bận rộn về gia đình tài sản!

Nếu đứng như vậy thì Đức Bồ Tát Sĩ Đạt Ta đã chẳng dại gì trốn vợ lìa con, đem chiếc gai vàng đổi lấy cuộc đời hành khát, trải qua biết bao gian khổ, chết sống nhiều phen nơi rừng vắng âm u mới tìm ra đạo giải thoát. Những vương tôn công tử, những chàng thanh niên con nhà cao quý cũng chẳng

điên gì bỏ cha mẹ nhà cửa ra đi theo vết chân của Đức Phật và tu tập tham khổ chón rùng sâu. Đạo Phật là đường lối dứt bỏ các vật cấu tạo vô thường để thành đạt những gì trường tồn vĩnh cửu. Vì sớm muộn gì thân xác này cũng trở về với đất.

Đức Phật thấu rõ tâm địa và hành vi của chúng sanh nên chẳng hề chống đối. Ngài chỉ nêu gương đức hạnh cao cả cho những kẻ thức thời, có mắt muốn thấy, có tai muốn nghe, để chọn giữa hai con đường: sanh tử khổ đau và an vui tuyệt đối.

Cũng như phần đông chúng ta hiện nay, thầy Bà La Môn Janussoni xưa kia cũng nghi ngờ về sự lợi ích của cuộc sống nơi hoang vắng nên hỏi Phật như thế.

Riêng phần Đức Thế Tôn, tuy chẳng còn bị sắc trần lung lạc, nhưng vì lòng từ bi bác ái đối với chúng sanh, nên vẫn tiếp tục sống nơi rừng vắng chỉ nhằm mục đích làm gương cho những kẻ hậu lai. Chúng ta chớ quá ngây thơ trước những trò chơi ngôn ngữ của thế gian: "Nhứt tu thị, nhị tu lâm" để mê lầm mà tiếp tục con đường vô vọng!

Cảnh giới vắng lặng làm cho thân yên tĩnh. Thân yên tĩnh khiến tâm trở nên thanh tịnh, sáng suốt để thấy rõ trạng thái vô thường mộng ảo của thế gian, thấu rõ đâu là cõi sống và đâu là cõi chết.

Chân lý tuyệt đối này đã được các bậc hiền triết khắp thế gian chấp nhận tự ngàn xưa.

---o0o---

07. Dòng nước tử sanh

"Hỡi này các Tỳ kheo! Trên thế gian có bốn hạng người sau đây:

- 1) Người thả mình trôi theo dòng nước
- 2) Người bơi lội ngược dòng
- 3) Người chế ngự được dòng nước lũ
- 4) Vị sa môn vượt qua dòng nước để lên bờ bên kia và đứng vững trên đất liền.

"Vậy người thả mình trôi theo dòng nước là thế nào?"

Đó là trường hợp của người có tánh buông tuồng, bê tha theo ngũ trần, không thấu rõ tội phước

"Còn kẻ bơi lội ngược dòng? Đó là người không để mình bị chìm đắm trong ngũ trần lục dục, không hành động xâu xa tội lỗi, biết ghê sợ các điều thống

khổ, khóc lóc than van, dứt bỏ tất cả để đi tìm sống cuộc đời phạm hạnh, đem hết tâm lực trau dồi giới luật ngày thêm trong sạch thanh cao.

"Còn kẻ chế ngự được dòng nước lũ? Đó là người đã điều ngự được nội tâm, cắt đứt hoàn toàn năm sợi dây trói mình vào thế sự như bản thấp hèn. Sau khi từ giả cõi trần, người được sanh về thiên giới rồi chứng quả Niết Bàn, không còn trở lại thế gian này nữa (A Na Hàm, Bất Lai).

"Hỡi này các Tỳ kheo! Còn bậc sa môn đã lướt qua khỏi dòng nước lũ, sang đến bờ kia và đứng vững trên đất liền là thế nào? Đó là nói về bậc xuất gia biết dùng trí tuệ siêu nhân sắc bén để chặt đứt cội rễ cái tâm ái dục. Người rất an vui tự tại, chẳng chút bợn nhơ, như ngọc kim cương trong sáng, và đã làm xong mọi việc phải làm trên cõi thế (A La Hán).

Sau đây là một chuyện ngụ ngôn:

"Cũng như người kia thấy con sông xuyên qua một vùng cảnh vật xanh tươi hấp dẫn, nước chảy êm đềm, trong trẻo mát mẻ, hứng chí lao mình xuống thả trôi theo dòng nước, không cần suy nghĩ lợi hại như thế nào.

"Lúc đó có một kẻ thức thời đứng trên bờ sông la lên: "Hỡi người kia! Rất nguy hại đấy. Người chớ khá dễ người. Con sông này có vẻ đẹp đẽ, xuyên qua vùng cây cỏ xanh tươi hấp dẫn, nước chảy êm đềm trong trẻo mát mẻ, nhưng nếu người hờ hững, ham vui, lao mình xuống, khi ra khúc hạ lưu sông thì sẽ bị sa vào hố sâu vực thẳm. Tại đó có sóng to gió lớn, nước xoáy bạo tàn, có nhiều loài thủy quái và cá mập hung hăng. Chừng đó sẽ nguy hại đến tánh mạng và người sẽ gặp khổ sở trăm bề".

"Nghe vậy người ấy liền dùng hết sức mình, với hai tay, hai chân, cố gắng bơi trở lên, ngược dòng để thoát nạn.

"Hỡi này các Tỳ kheo! Dòng sông tượng trưng cho lòng tham lam khao khát. Phong cảnh đẹp đẽ hấp dẫn trong vùng là mười giây trói chặt chúng sanh vào vòng sanh tử. Những hố sâu ở hạ lưu là năm điều chướng ngại xô đẩy con người sa vào cảnh giới thấp hèn. Sóng to gió lớn ám chỉ cái tâm sân hận, ganh tị, oán thù. Xoáy nước là những dục lạc của sắc trần. Cá mập là điều cám dỗ tai hại của phụ nữ. Bơi lội ngược dòng là quyết tâm dứt bỏ việc đời, tìm phương cứu rỗi. Đem hết sức của hai bàn tay, hai chân bơi lên ngược dòng là tinh tấn, trau dồi nghị lực, cố công hành đạo cho mau dứt khổ.

Lời của dịch giả

Trong Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikaya) có câu Phật ngôn: "Đến một thời gian nào đó, nước biển cả cạn khô và nước không còn nữa. Đến một thời gian nào đó, quả địa cầu bị thiêu hủy vỡ tan và đất không còn nữa. Nhưng

các điều thống khổ vẫn tồn tại. Chúng sanh vẫn bị màn vô minh che lấp, vẫn sa vào chàm bầy ái dục và vẫn chen lấn nhau, hối hả nhảy vào vòng sanh tử".

Đức Phật cho chúng sanh thiếu khôn ngoan lại thường có tánh dễ duôi, gặp nơi nào có trò chơi khoái lạc thì bươn bả xông vào, bất chấp hậu quả sẽ ra sao.

Bốn vật chướng ngại quan trọng đánh đổ bậc xuất gia là: tiền bạc - lễ vật - lời ngợi khen và phụ nữ.

Trong kinh Suru Tập Pháp (Pakinnakadhamma) do Đại đức Hộ Tông soạn dịch có chép rằng lễ vật và lời ngợi khen là miếng mồi của ngư ông móc vào lưỡi câu. Thầy Tỳ kheo nào bám phải lưỡi câu tai hại đó ví như nuốt mồi của ma vương rồi bị hại. Cũng như con cá mắc phải lưỡi câu của ngư ông và mất mạng.

Kinh Suru Tập Pháp có ghi tiếp: "Chó chóc mang bệnh ghẻ, rụng hết lông, nổi mụn mủ khắp mình, đi kiếm ăn nơi khô ráo cũng không yên, ở dưới bóng cây, nằm nơi khoảng trống và đi đến bất cứ nơi nào cũng đều chịu khổ sở chẳng được yên thân.

Thầy Tỳ kheo bị lễ vật và lời ngợi khen đè nén nội tâm rồi, dù đi đến nơi thanh vắng cũng không yên, đến ngụ nơi khoảng trống, dưới bóng cây hay bất cứ nơi nào cũng không yên và rất khổ sở, gặp nhiều tai hại. Lễ vật và lời ngợi khen hằng cắt đứt da, đứt xương, rồi đến tủy xương. Thầy Tỳ kheo mắc phải chúng sau khi chết sẽ bị sao vào bốn đường ác đạo. Cũng như chó chóc mang bệnh phải chịu khổ sở trăm bề".

Thảm họa thứ hai là phụ nữ mà Đức Phật ví như loài cá mập háo ăn, nên dạy các đệ tử ráng ghi nhớ biết mình mỗi khi tiếp xúc. Khi tâm tư của thầy Tỳ kheo bị xao xuyên vì thính sắc của phụ nữ rồi, tuy thân xác còn ẩn náo dưới mái thiền môn nhưng tâm địa đã rời xa cửa Phật.

---o0o---

08. Đức Phật giải về tư cách vô thường của những cảnh vật thiên nhiên

"Hỡi này các Tỳ kheo! Trong thời quá khứ xa xăm, hòn núi Vipula này mang tên là Kim Qui". Dân chúng trong vùng gọi là giống người Rohitassa. Họ sống lâu tới ba vạn tuổi, phải mất ba ngày để leo lên núi và hết ba ngày để trở xuống. Khi đó nhằm thời kỳ Đức Phật Konayamana (Cù Lưu Tôn) xuất thế. Ngài có hai người đệ tử đặc sắc nhất là Bhiyyosa và Uttara. Thời gian sau đó cái tên núi Kim Qui không còn nữa và dân chúng Rohitassa đều phân tán. Đức Phật Konayamana cũng nhập Niết Bàn".

"Này các Tỳ kheo, tánh cách giả tạm không bền vững của những vật cấu tạo là như thế".

"Lâu sau đó trái núi Vipula này mang tên mới là Thanh Sơn. Dân chúng tại đây thuộc giống người Suppiyas. Họ sống được hai vạn năm, phải mất hai ngày để trèo lên núi và hết hai ngày để trở xuống. Lúc đó nhằm thời kỳ Đức Phật Kassapa (Ca Diếp) ra đời. Ngài cũng có hai trò ưu tú nhất là Tissa và Bharadvaja. Rồi sau đó cái tên núi Thanh Sơn không còn nữa, giống người Suppiyas biến mất và Đức Phật Kassapa cũng nhập Niết Bàn".

"Này các Tỳ kheo, tánh cách giả tạm không bền vững của những vật cấu tạo là như thế".

"Giờ đây, núi này mang tên là Vipula và dân chúng trong vùng thuộc sắc tộc Magadha. Tuổi thọ rất ngắn ngủi. Người nào sống lâu được 80 tuổi, 100 tuổi hoặc nhiều hơn vài tuổi mà thôi. Họ bỏ rất ít thời giờ để leo lên và trở xuống núi. Và hiện nay Như Lai giáng trần với hai đệ tử giỏi giảo nhất là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên".

"Không bao lâu nữa Như Lai sẽ nhập Niết Bàn, rồi thời gian sau đó hòn núi này chẳng còn mang tên Vipula nữa, giống người Magadha trong vùng cũng bị phân tán".

"Này các Tỳ kheo, tánh cách giả tạm không bền vững của những vật cấu tạo là như thế".

"Vậy các người hãy ráng chú tâm quán xét, chớ nên say mê cố chấp, miệt mài với các vật hữu vi tạm bợ của thế gian".

-- *Tương Ứng Bộ*

---o0o---

Tập 2

09. Kỳ thị về giai cấp

Người Bà La Môn Assalayana đến hỏi Phật:

"Bạch thầy Gotama, các người Bà La Môn thường nói: "Chỉ có những nhân vật dòng Bà La Môn là cao quý hơn hết. Tất cả những giai cấp khác là thấp hèn. Chỉ có người Bà La Môn mới có nước da trắng trẻo đẹp đẽ. Còn những người thuộc giai cấp khác thì có nước da ngăm. Chỉ có người Bà La Môn là trong sạch thanh cao. Còn những kẻ khác đều thấp hèn đê tiện. Chỉ có người Bà La Môn là con cháu đích tông của trời Phạm Thiên (Brahama), được sanh ra từ cửa miệng ngài. Họ là đệ tử của trời Phạm Thiên và là kẻ thừa tự ngài".

Đức Phật đáp:

"Này Assalayana, vậy chớ người nghĩ thế nào? Những phụ nữ Bà La Môn cũng có kinh kỳ như các phụ nữ khác. Họ cũng có ghen như các phụ nữ khác, cũng cho con bú. Tại sao người Bà La Môn cũng từ đàn bà sanh ra lại khoe khoang cho mình là cao quý hơn mấy giai cấp khác?"

- Bạch thầy Gotama: "Tuy thầy nói vậy nhưng họ vẫn quả quyết như thế".

Đức Phật hỏi:

"Vậy chớ người có nghe trong vài xứ lân bang chỉ có hai hạng người là gia chủ và tôi tớ đó sao? Và một đôi khi người chủ trở thành tôi tớ và đưa tớ đổi sang địa vị chủ gia?"

- "Bạch thầy nói phải đó, nhưng mấy người Bà La Môn vẫn cố chấp rằng mình là cao thượng hơn cả".

- "Này Assalayana, người nghĩ sao? Có phải những người Bà La Môn lúc sanh tiền phạm tội sát hại sanh vật, trộm cướp, tà dâm nói dối, hung dữ, tà kiến... sau khi chết cũng bị đọa vào bốn đường ác đạo?"

- "Chính phải vậy, bạch thầy Gotama, dù là con người thuộc dòng Bà La Môn, thuộc giai cấp cao sang quyền quý, người thương gia hay nô lệ, một khi đã gây ra nghiệp dữ thì sau khi chết sẽ bị sanh vào cảnh giới khổ đau hoặc bị hành phạt nơi địa ngục. Bạch thầy nói rất đúng, nhưng các người Bà La Môn vẫn đinh ninh rằng họ là cao quý hơn hết, là con cháu đích tông của trời Phạm Thiên".

- "Này Assalayana, còn phải chăng chỉ có người Bà La Môn nào biết làm những điều lành, không sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, hung dữ, tà kiến... sau khi chết sẽ được thọ sanh vào cảnh an vui, được hưởng phước nơi cõi thiên đàng, còn những thiện nhân khác thì không được sao?"

- "Bạch thầy Gotama, tất cả những ai biết làm lành lánh dữ, dù họ thuộc giới Bà La Môn, chiến sĩ, thương gia hay lao động thì thấy thấy đều được hưởng quả vui chớ chẳng riêng gì cho giai cấp Bà La Môn. Thầy nói rất đúng, nhưng họ cũng vẫn tin rằng mình là cao quý hơn cả".

- "Này Assalayana, người nghĩ sao? Phải chăng chỉ có hạng Bà La Môn mới biết noi theo đường phạm hạnh, biết tu tập, trau dồi giới đức, từ bi bác ái để trở nên an tịnh, phát sanh trí tuệ, diệt trừ phiền não, còn những giai cấp khác lại không được?"

- "Bạch thầy Gotama, bất cứ là người trong giới Bà La Môn, người chiến sĩ, thương gia hay nô lệ đều cũng có thể tu tập, trau dồi đức hạnh, từ bi bác ái,

để trở nên an tịnh, phát sanh trí tuệ, diệt trừ phiền não. Tuy nhiên, nhóm Bà La Môn cũng nói rằng họ là cao thượng hơn hết".

- "Này Assalayana, phải chăng chỉ có người Bà La Môn dùng bột xà phòng xuống sông tắm gội sạch sẽ còn những người khác thì không?"

- "Bạch thầy, ai nấy cũng có dùng bột xà phòng tắm gội sạch sẽ như nhau chớ, chẳng riêng gì người Bà La Môn. Nhưng họ vẫn cho rằng mình đứng trên các giai cấp khác".

- "Này Assalayana, ví dụ có một đức vua cho gọi vào triều 100 người thuộc giai cấp khác nhau và phán: "Vậy trong số 100 người đó, những ai thuộc dòng Bà La Môn hay cao quý, hãy lấy một mớ cây Sala, cây trầm hương hay cộng sen khô đem đốt cháy lên cho nóng.

"Này Assalayana, vậy phải chăng chỉ có hai hạng người đó có thể lấy những thứ kể trên đốt thành lửa nóng cháy đỏ, sáng ngời, lên cao ngọn, còn hai hạng thương gia và lao động thì làm không được? Hoặc những kẻ khác nữa, như thợ làm bẫy, thợ đan rổ tre, thợ đóng thùng xe, dân phu rửa thùng phần, lấy cây mục của máng cho heo, cho chó ăn, lấy thùng cây nhuộm vải, lấy que cây thầu dầu đem đốt lên, thì họ không được lửa nóng, cháy đỏ, sáng ngời, cao ngọn hay sao?"

- "Bạch thầy Gotama, bất cứ là hạng người nào, dùng bất cứ cây hay vật dẫn hỏa nào cũng có thể đốt lên lửa nóng, cháy đỏ, sáng ngời, cao ngọn. Thầy nói phải, nhưng mấy ông Bà La Môn vẫn cho rằng họ là cao thượng hơn hết."

- "Này Assalayana, thêm một ví dụ nữa. Có hai anh em ruột dòng Bà La Môn. Một người thì thông minh lão luyện, thông suốt cả ba bộ kinh Phệ Đà (Vêda) rất sành sỏi trong việc tế lễ, còn người kia dốt nát, gàn dở. Hỏi vậy mỗi khi có dịp cúng kiến tổ tiên hoặc tế lễ thánh thần, người nào được lễ vật nhiều và kính trọng hơn?"

- "Bạch thầy Gotama, chính người học cao hiểu rộng, sành sỏi trong việc tế lễ cúng kiến được kính nể và thụ hưởng lễ vật nhiều hơn".

Phật hỏi:

- "Nhưng nếu thầy Bà La Môn học hỏi uyên thâm, sành nghề cúng tế đó lại vô giới hạnh, có tánh nét xấu xa tàn bạo, còn người thất học kia lại tánh tình hòa nhã, giới đức thanh cao, thì người nào sẽ được lễ vật nhiều và trọng nể hơn?"

- "Bạch thầy Gotama, lẽ tất nhiên các tín thí sẽ kính nể và dâng cúng dồi dào đến thầy Bà La Môn có giới hạnh trong sạch, tánh tình khiêm tốn, dễ

thương. Vì kẻ có giới đức, tánh tình hèn hạ không thể đem lại điều lợi ích nào cả".

- "Này Assalayana, giờ đây người đã bắt đầu lãnh hội rõ rệt đây! Từ sự kiện về dòng giống, giai cấp, bước qua giai đoạn bùa chú thần quyền, người đã nhận thức cuối cùng giá trị quan trọng về giới hạnh con người là cao quý hơn cả, bất phân giai cấp dòng giống.

"Đó là Giáo Lý căn bản của Như Lai vậy".

-- *Trung Bộ Kinh*

---o0o---

10. Thế nào là bậc Sa Môn?

Ta có nghe như vậy:

Thuở nọ Đức Thế Tôn ngự tại tinh l?ssapura thuộc về xứ Anga. Ngài có thuyết:

"Hỡi này các Tỳ kheo! Dân chúng gọi các người là Sa môn và nếu có ai hỏi tới, các người cũng đều công nhận như thế. Vậy các người phải ăn ở cách nào cho xứng đáng với phẩm hạnh sa môn?"

"Này các Tỳ kheo, chúng ta là kẻ xuất gia đang hành trình trên đường siêu việt. Nhờ cố công trau dồi giới đức, chúng ta được người tín thí dâng cúng và thọ hưởng bốn món vật dụng như: tam y quả bát, vật thực, chỗ ở, thuốc men. Người hành đạo chân chánh thọ được nhiều quả báu tốt lành như thế. Vậy chẳng phải chúng ta rời bỏ thế gian trong sự thiếu thốn, không được lợi lộc gì, mà tư cách xuất gia thật ra rất cao thượng hữu ích thế nào? Và nó mang lại biết bao thành quả tốt tươi cao thượng.

"Này các Tỳ kheo, còn người xuất gia không thực hành đúng đắn đường lối tu tập là thế nào? Đó là:

- Thầy Tỳ kheo có tánh tham lam khao khát, chẳng chịu dứt bỏ lòng tham dục
- Thầy Tỳ kheo có tư tưởng xấu xa tội lỗi và không tìm cách diệt trừ nó;
- Thầy Tỳ kheo còn tánh sân hận cộc cằn thô lỗ;
- Thầy Tỳ kheo ra vẻ thu thúc, giả nhân giả nghĩa để gạt gẫm tín đồ;
- Thầy Tỳ kheo còn tánh thù hận, oán giận, uất ức;
- Thầy Tỳ kheo có tánh ganh tị chẳng muốn ai khác hơn mình.
- Thầy Tỳ kheo keo kiệt, bòn xén, ham tom góp vật này vật nọ để làm của riêng;
- Thầy Tỳ kheo có tánh xảo quyệt dối trá, dùng lời không ngay thật, nói ướm để được bố thí.

- Thầy Tỳ kheo có ác tâm tham muốn bất chánh;
- Thầy Tỳ kheo thường suy nghĩ tà vạy, có tánh tà kiến.

"Nhu Lai nói các Tỳ kheo đó không chịu bỏ những tánh xấu xa tội lỗi. Chúng phải bị đọa vào cảnh khổ cùng, gánh nhiều đau khổ vì chẳng giữ đúng theo phẩm hạnh Sa môn. Chúng là những kẻ che giấu con dao bén dưới bộ áo cà sa. Như Lai đã khuyên hòa rành mạch những điều đó khi người giới tử xin thọ cụ túc giới để bước chân vào đạo.

"Nhu Lai không cho rằng đời đạo đức có thể tương trưng bằng những kẻ chỉ khoát áo cà sa cho có lệ, hoặc những đạo sĩ lừa dối, rách rưới bản thủ, những kẻ thân hình phủ đầy cát bụi, những kẻ thường xuyên xuống sông Hằng tắm gội, những người sống dưới cội cây, những kẻ rón chịu đựng phong sương tuyết giá, đứng như trời trồng dưới sức nóng cháy da, những kẻ bày ra cách ăn uống kham khổ khác thường, những kẻ thông thạo các thánh kinh, sành nghề bùa chú, những kẻ mang búi tóc đang trên đỉnh đầu.

"Này các Tỳ kheo, nếu chiếc áo cà sa có oai lực diệt trừ được tất cả những tật: Tham lam, sân hận, ganh tị, bòn xén, xảo quyệt, ác tâm, tà kiến, thì cha mẹ hoặc người thân chỉ cần khoát lên đưa bé bộ áo cà sa khi nó mới chào đời và căn dặn như vậy: "Người rất hân hạnh mặc được mảnh áo nhiệm màu này, vì nó có đủ năng lực làm tiêu tan các tật xấu xa tội lỗi: tham lam, sân hận, ganh tị, bòn xén, xảo quyệt, ác tâm, tà kiến..."

"Có một số Tỳ kheo tuy vẫn mặc y mang bát nhưng thân tâm như bản thấp hèn, ngoan cố chẳng chịu tẩy trừ nét xấu. Lẽ đó, Như Lai không công nhận họ là Sa môn chỉ vì mình mặc áo cà sa, cũng như những đạo sĩ lừa dối, bản thủ, rách rưới, những kẻ thân hình phủ đầy cát bụi, những kẻ thường xuyên xuống sông Hằng tắm gội, những người sống dưới cội cây, những kẻ rón chịu đựng phong sương tuyết giá, đứng như trời trồng dưới sức nóng cháy da, những kẻ bày ra lối ăn uống kham khổ khác thường, những kẻ thông thạo các thánh kinh, sành nghề bùa chú, những người mang búi tóc đan trên đỉnh đầu..."

"Này các Tỳ kheo, vậy người xuất gia phải giữ nếp sống như thế nào để xứng đáng với danh hiệu Sa môn? Đó là:

- Khi thầy Tỳ kheo có tánh tham lam, có tư tưởng xấu xa, cộc cằn thô lỗ, thu thúc giả dối, hay thù oán, ganh tị, keo kiệt, dối trá, ác tâm, tà kiến, nhưng biết nhận thức những điều ấy là xấu xa đê tiện, rồi để hết nghị lực trau dồi phẩm hạnh ngày thêm trong sạch thanh cao. Như Lai gọi người ấy mới thật xứng đáng với danh hiệu Sa môn.

"Thầy Tỳ kheo tự trác nghiệm lấy bản thân, biết rằng mình đã tẩy trừ được các điều nhơ nhớp, thoát ly ra khỏi thế sự. Mà khi biết mình đã hoàn toàn trong sạch, người phát tâm vui thích với hạnh phúc thanh cao. tinh thần thơ thới, thân tâm an tĩnh thân nhiên, người rất vừa lòng toại nguyện. Tâm tư thấm nhuần tình thương rộng lớn, người rải tửa từ bi bác ái khắp bốn phương tám hướng, rải từ bên trên, bên dưới, bên ngang và khoảng giữa. Người được giải thoát ra khỏi tham lam, sân hận, si mê, thông thả ngao du đây đó, không còn điều chi sợ hãi lo âu.

"Lúc này thầy Sa môn trở nên yên lặng như hồ nước trong trẻo, mát mẻ, ngọt ngào, có những bực thang đưa tới một nơi thắng cảnh vô cùng hấp dẫn. Khi đó nếu có chàng lữ khách đang đau khổ vì khát nước dưới cơn nóng buốt, thân hình uể oải, từ phương đông đi tới, chàng ta có thể nhờ hồ nước nhiệm màu cứu rỗi, khiến thân tâm được phục sức, thơ thới nhẹ nhàng và lướt qua khỏi những nổi thống khổ trong cuộc hành trình diêu vợi. Nếu có những lữ khách từ hướng tây, hướng bắc, hướng nam, hoặc bất cứ ở đâu đến cũng đều nhận được sự hỗ trợ quý báu của hồ nước nhiệm màu.

"Này các Tỳ kheo, khi một con người thuộc hàng vương giả rời bỏ gia đình sự nghiệp đi tìm sống cảnh không nhà, nếu biết nghiêm trì Giới Luật của Đức Như Lai, thì tâm tư người được tràn ngập từ bi bác ái. Người trở nên an tĩnh, chẳng bị thế sự buộc ràng lay chuyển. Người đã thành đạt mức độ tịnh tâm tuyệt diệu, đã diệt trừ phiền não, vì đã thực hành đúng theo đường lối của các bậc Sa môn.

"Những người thuộc dòng Bà La Môn hoặc các giai cấp khác như thương gia, lao động, rời bỏ gia đình của cải đi tìm sống cảnh không nhà, nếu biết nghiêm trì Giới Luật của Đức Như Lai, thì tâm tư họ cũng được tràn ngập từ bi bác ái, được an tĩnh không bị thế sự buộc ràng lay chuyển. Những người ấy đã thành đạt mức độ tịnh tâm tuyệt diệu, đã diệt trừ phiền não, vì đã thực hành đúng theo đường lối của bậc Sa môn.

-- Trung Bộ Kinh

Lời của dịch giả

Bài pháp trên đây rất phù hợp với thời đại hiện nay, vì các tôn giáo đang bị một số đông những phần tử bất hảo nhảy vào gây lũng đoạn.

Phật Ngôn có câu: "Tài sản duy nhất của loài chim là cái đuôi và cặp cánh. Thầy Tỳ kheo chỉ sống tri túc với mảnh y để che thân và vắt cơm bó thí để no lòng. Đi đâu người chỉ mang theo tam y và quả bát".

Tục ngữ cũng thường nói: "Xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo". Tuy nhiên bất cứ thời đại nào, bất cứ trong đạo giáo nào cũng có một số lớn phần tử

chẳng có chút tài sản gì để vứt bỏ, chẳng có nghề nghiệp nào để sanh sống, trà trộn vào khuấy rối bề hành đạo của những bậc chân tu, lợi dụng lừa gạt tín đồ để nuôi mạng và đôi khi cũng tạo nên sự nghiệp kết xù là khác.

Đối diện với các đạo sĩ, Tỳ kheo, linh mục, khát sĩ, phủ thân bằng lớp nâu sòng, hoặc lỏa lồ rách rưới kham khổ, hoặc gặp những nhà truyền giáo học vấn cao thâm, ăn nói hoạt bát, hạng phàm nhân chúng ta rất khó bề nhận định ai là bậc tu hành chân chánh. Biết bao người lợi dụng chiếc áo cà sa, biết chế ngự kẻ tín thí bằng nhiều lý luận tráo trở xảo quyệt. Trước mặt công chúng họ ra vẻ thu thúc như con cò đứng yên một chỗ, lim dim đôi mắt chờ đớp mồi ngon nhưng ít ai biết được sự sanh hoạt riêng tư của họ là thế nào?

Cũng có vài hành giả bày trò tham thiền nhập định giữa đám đông trong khi các bậc hiền triết đều ẩn dật trong nơi thanh vắng xa xóm, xa người. Cũng có hạng nói mình giữ hạnh đầu đà, ôm bát ra đi từ mờ sáng đến tối mới trở về rồi nói mình đi khát thực, độ dưới cội cây, nghỉ trưa nơi vắng vẻ, nhưng khi màn đêm sụp xuống thì sợ mất an ninh.

Khổ nổi, số đông tín đồ lại không dám dòm ngó ông thầy sợ mang tội, cho rằng nằm trên chiếu rách cũng đỡ hơn nằm đất. Vị giáo sư say sưa bài học nhưng vẫn là thầy của các trò khi vào lớp.

Những thứ dây chum gói này đã có từ lâu, nên Đức Phật mới giải bày rành mạch như trên nhằm mục đích dạy con người biết cách phân biệt kẻ chánh người tà để gieo giống lành trên mảnh đất phì nhiêu, biết rõ thật sự ai là kẻ "Xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo" có nếp sống giản dị như loài chim chỉ có cái đuôi và cặp cánh.

---o0o---

11. Kiến thức của những người mù

"Hỡi này các Tỳ kheo! Các người nói với Như Lai rằng có nhiều nhóm đạo sĩ, Bà La Môn hay khát sĩ du phương thuộc những chi đạo khác nhau thường ủng hộ những kiến thức khác nhau, vui thích những lý thuyết khác nhau, hướng về các sự việc khác nhau, tin tưởng những lời lẽ khác nhau.

"Này các Tỳ kheo, có nhóm thường hay binh vực và tin tưởng như vậy: "Thế gian là trường tồn vĩnh cửu. Đó là chân lý, còn những chuyện khác là vô lý, là dốt nát khờ khạo".

Có kẻ lại nói: "Thế gian sẽ có ngày kết thúc. Kẻ khác cho rằng thế gian sẽ không chấm dứt".

Có kẻ nói: "Căn bản của đời sống là xác thân. Kẻ khác lại nói xác thân là một chuyện, còn sự sống là chuyện khác".

Có kẻ nói: "Cái Ta sẽ biến chuyển sau khi chết, người khác nói rằng không".

Có kẻ lại nói: "Sau khi chết, cái Ta sẽ biến chuyển hoặc không biến chuyển.. Đó là chân lý, còn các ý nghĩ khác đều vô lý, đều là chuyện ngu dốt đại khờ".

Vì lẽ đó, các nhóm đạo sĩ, Bà La Môn hay khát sĩ du phương thuộc các đạo giáo khác thường hay xung đột với nhau, ham cãi lầy, lý luận, biện minh, đấu khẩu với nhau, để bênh vực kiến thức riêng của mình và cho rằng: "Cái này là Chánh Pháp còn cái kia không phải. Cái này đúng chân lý, cái kia không đúng, vân vân...".

"Hỡi này các Tỳ kheo! Những nhóm đạo sĩ, Bà La Môn hay khát sĩ du phương đó đều dốt nát mù quáng, không biết đâu là mục đích cứu cánh, đâu là chẳng phải. Không biết cái nào là Chánh Pháp và cái nào chẳng phải. Vì vậy họ thường hay xung đột với nhau, ham cãi lầy, lý luận, biện minh, đấu khẩu với nhau để ủng hộ lập trường của mình. Họ tranh chấp, phỉ báng nhau vô ích vì không thấu rõ đâu là mục đích giải thoát và đâu là không phải.

"Các người hãy nghe câu chuyện sau đây:

"Thuở xưa kia, cũng tại thành Savatthi này, có một quốc vương bày một trò chơi, ra lệnh đưa tất cả những người mù từ lúc sơ sanh vào triều để nhìn xem một con voi. Tên này nói với các người đi như vậy: "Đây là con voi". Rồi cho cho vài người sờ cái đầu voi, người khác cái tai voi, người khác cái bụng, người khác nữa cái ngà, cái vòi, cái chân, cái lưng, cái đuôi, chòm lông đuôi và nói với mỗi người mù rằng đó là con voi.

Đức vua ngự đến hỏi nhóm người đi vậy chớ con voi là thế nào? Những người sờ đầu nói rằng con voi giống như cái chậu. Người sờ tai nói voi giống như cái quạt..., ngà voi giống như lưỡi cày, vòi như cái cày, bụng như cái bò lùa, chân như cột nhà, lưng như cái cối xay, cái đuôi như cây chà giả gạo, chòm lông đuôi như cây chổi. Mỗi người mù đều cho rằng mình nói đúng, tranh cãi dữ dội, la lối om sòm: "Phải vậy mà! Không phải đâu! Con voi là thế này chớ chẳng phải thế kia!". Rồi nhóm người mù đi đến xung đột, đâm đá nhau. Đức vua rất thích thú đùa bỡn với trò chơi ấy.

"Này các Tỳ kheo, những đạo sĩ, Bà La Môn, khát sĩ du phương trong các giáo phái khác cũng mù quáng như thế nên không nhìn thấy chi cả. Họ không biết đâu là mục đích giải thoát, đâu là không phải. Cái nào là Chánh Pháp và cái nào không phải. Lẽ đó họ luôn luôn gây ra tranh chấp, cãi vã, xung đột với nhau vì không biết rõ thế nào là mục đích giải thoát, thế nào không phải và đâu là Chánh Pháp và đâu là không phải.

-- Kinh Phật Tự Thuyết, Udana 66-69

Lời của dịch giả

Hạng phạm phu nhận định những sự việc với đôi mắt thịt, dùng lý trí suy đoán các hiện tượng nên thường hay lầm lẫn. Chỉ có bậc hiền triết dùng sự hiểu biết siêu nhân mới thấu rõ mọi vật đúng theo chân lý.

Đức Phật ví những đạo sĩ, Bà La Môn, khát sĩ chưa giác ngộ như những người mù, vì họ không thấu rõ lý Tứ Diệu Đế và tư cách sanh diệt của chúng sanh (Thập Nhị Nhân Duyên) suy nghĩ vu vơ, vô căn cứ rồi cho rằng kiến thức của mình là đúng chân lý và phủ nhận các lý thuyết khác.

Đức Phật dùng danh từ "Mục đích giải thoát" để ám chỉ Niết Bàn. Người chưa giác ngộ không sao hiểu rõ Niết Bàn là thế nào. Cũng như con cá hỏi rùa vậy nơi đất liền có sông rạch không? Và muốn biết nó có thể lội trên đó được không? Dù rùa giải thích thế mấy nó cũng không nghe.

Còn Chánh Pháp là nói về Tứ Diệu Đế, giáo lý căn bản của đạo Phật. Con người chỉ hành theo Bát Chánh Đạo (Đạo Đế) thì mới mong thoát khổ. Ngoài đạo Bát Chánh không thể có đạo quả thánh nhân.

Những người mù mắt tuy không thấy nhưng tai vẫn nghe kẻ khác nói, rồi căn cứ vào đó để suy tưởng mọi việc một cách sai lầm.

Trong sáu năm tu khổ hạnh, Đức Bồ Tát Sĩ Đạt Ta đã gặp hai ông thầy là Alara và Uddaka. Mỗi ông có đường lối hành đạo khác nhau và tin tưởng rằng mình đã giải thoát. Năm thầy Kiều Trần Như cũng cố chấp lối tu khổ hạnh của mình là đúng. Sau khi đắc đạo Đức Phật đã tận dụng 3500 phép thần thông nhưng vẫn không thuyết phục được Đại Đức Kassapa thờ thân lửa và sau cùng phải dùng tới phép màu cùng tột gọi là Phép Màu về Giáo Pháp (uy lực tuyệt đối của Đức Chánh Biến Tri) mới xong.

Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikaya) có ghi lại một mẫu chuyện lý thú có liên quan tới bài Pháp trên đây:

"Thuở nọ, một ông già Bà La Môn có bà vợ trẻ tuổi mà ông ta rất tưng tiu chịu chuộng. Bà vợ có ghen và lúc gần sanh buộc chồng tìm mua cho được một con khỉ đực để làm bạn với đứa trẻ sắp ra đời. Người chồng già nói: "Xin nàng hãy đợi tới lúc sanh sản rồi mới biết là gái hay trai. Nếu được con trai thì tôi sẽ mua một con khỉ đực cho nó chơi. Còn sanh gái thì tìm một con khỉ cái". Thầy Bà La Môn năn nỉ ba lần như vậy nhưng bà nung nịu không nghe nên đành ra chợ mua con khỉ đực đem về để làm vừa lòng người vợ trẻ. Bà lại sai chồng đem con khỉ đến người thợ Rattapani mượn nhuộm lông nó ra màu cho lạ hơn những con khỉ khác, và dặn chồng bảo anh thợ nhuộm phải dày vò con khỉ cho lông nó dễ ăn màu.

Người thợ nhuộm Rattapani nói với lão Bà La Môn rằng anh ta có thể nhuộm lông con khi ăn màu tốt được phần nào hay phần ấy chứ không thể dày vò con khi, vì làm vậy nó sẽ chết mất. Chỉ có hàng vải mới có thể dày vò cho dễ ăn màu.

Còn cô vợ trẻ của ông Bà La Môn chưa sanh con, không biết nó sẽ là gái hay trai, lại buộc người chồng già phải tìm mua con khi được cho đứa bé chơi, nững nịu bảo chồng đem con khi đi nhuộm màu và dày vò nó như nhuộm vải. Thật là điên rồ!

Bởi vậy Đức Thế Tôn, trước giờ nhập diệt có thuyết cho đạo sĩ Subhadha nghe như vậy: "Này Subhadha, người chớ nên hỏi xem các vị giáo chủ thuộc ngoại đạo đều đắc quả thánh nhân hay chỉ có vài vị đắc và vài vị không đắc? Người nên nhớ rằng bất cứ những ai thuộc chủng tộc nào, thuộc giai cấp nào, khi biết hành theo Bát Chánh Đạo thì đạo quả thánh nhân (A La Hán) vẫn còn. Ngoài Đạo Bát Chánh không có đường lối nào khác có thể đưa người đến giải thoát hoàn toàn.

---o0o---

Tập 3

12. Những nguyên tố

Ta có nghe như vậy:

"Thuở nọ, Đức Thế Tôn hành trình đơn độc trên đường dài đi vào xứ Magadha (Ma Kiệt Đà). Khi tới thành Rajagaha (Vương Xá) Ngài đến xin nghỉ đêm tại nhà người thợ làm đồ gốm tên Bhaggava. Ông này nói:

"Chẳng có gì làm phiền tôi cả nếu Ngài muốn nghỉ tạm tại đây. Nhưng nhà tôi hiện nay có một chàng trai đi hành hương xin vào trọ. Vậy xin Đức Thế Tôn tùy tiện thương lượng với người thanh niên ấy và muốn ở lại đây bao lâu tùy thích.

"Cùng lúc đó, chàng thanh niên Pukkusati với đức tin nhiệt thành muốn tìm phương giải khổ, cũng rời bỏ gia đình đi sống cảnh không nhà. Chàng phát động một cuộc hành hương trên đường dài để tìm theo vết chân của Đức Như Lai.

"Khi Đức Phật xin ở trọ, Pukkusati nhã nhặn đáp:

"Kính bạch Đại Đức, nhà ông thợ đồ gốm rộng rãi mát mẻ. Vậy xin ông cứ việc sử dụng chẳng có gì làm phiền tôi cả.

"Đức Thế Tôn bước vào trong, trải chiếc đệm rom, ngồi kiết già thân hình ngay thẳng, chú tâm về phía trước và giữ oai nghi đó suốt đêm dài khuya

khoắt. Chàng trai Pukkusati cũng trải chiếu, ngồi kiết già, thân hình ngay thẳng, chú tâm về phía trước và giữ oai nghi đó suốt đêm.

"Bồng Đức Phật hỏi:

"Này chàng thanh niên, hiện nay người đang đi kiếm ai và ai là thầy tổ của người? Chàng nương theo Giáo Pháp nào để tìm đường thánh thiện?"

- "Bạch Đại Đức, bậc đáng kính Gotama, rời bỏ gia tộc Thích Ca đi tìm phương cứu khổ đã trở thành một vị A La Hán. Danh thơm của Đức Gotama hay đến tận phương xa và đâu đâu cũng có tiếng đồn hoan lạc rằng Ngài là Đấng Thế Tôn, là bậc A La Hán, là Đấng hoàn toàn giác ngộ, có sự hiểu biết siêu nhân. Ngài là Đấng Trọn Lành suốt thông tam giới, là bậc Đại Giác, là Thầy cả chư thiên và nhân loại.

"Đức Phật hỏi:

"Này chàng tu sĩ, vậy chớ hiện nay Đức Thế Tôn, bậc A La Hán Đại Ngộ đó đang ngự tại đâu?"

- "Kính bạch Đại Đức, hiện nay Đức Thế Tôn, Đấng Trọn Lành, Đấng Đại Giác đang ngự trong mấy tỉnh miền Bắc tại một kinh đô gọi là Savathi (Xá Vệ).

- "Này chàng thanh niên, vậy chớ người có gặp Đức Thế Tôn lần nào chưa?"

- "Bạch Đại Đức, tôi chưa hân hạnh được thấy Ngài bao giờ.

"Khi biết Pukkusati chưa nhận diện ra Ngài, Đức Thế Tôn ôn tồn khuyên hóa chàng tu sĩ:

- "Hỡi này chàng thanh niên đi hành hương! Người hãy chú tâm ráng nghe đây!

"Trong mỗi con người có sáu nguyên tố, sáu sự tiếp xúc, mười tám cái tâm tìm kiếm, và bốn sự quyết tâm. Khi người nào thấu đáo và điều ngự được chúng, không để cho những ý nghĩ vu vơ huyền hoặc xâm nhập, thì người ấy được gọi là bậc Đại Hiền Thanh Tịnh. Chừng đó người ấy an trú vững vàng trong Chánh Kiến, người ấy cố bảo trì chân lý, thỏa thích với sự dứt bỏ và chẳng làm gì khác hơn là củng cố sự yên lặng an vui.

"Này chàng thanh niên đi hành hương, đây là sự thuyết minh nhứt chi về sáu nguyên tố.

"Ta nói mỗi con người có sáu nguyên tố là: đất, nước, lửa, gió, hư không và tâm thức.

"Ta nói trong mỗi con người có sáu sự tiếp xúc với sáu trần là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

"Ta nói trong mỗi con người có mười tám cái tâm tìm kiếm là sáu cái tâm vui thích trong lục trần, sáu cái tâm nhàm chán sáu trần, và sáu cái tâm trung lập về các trần đó (không vui, không khổ).

"Ta cũng nói trong mỗi con người có bốn sự quyết tâm là: hiểu biết chân chánh (Chánh Kiến), bảo tồn chân lý, ráng dứt bỏ, và cố gắng thành đạt sự yên tĩnh.

"Ta cũng nói con người cần phải cứng rắn sống trong Chánh Kiến, bảo tồn Chân lý giữ mình chân thật, thỏa thích trong sự dứt bỏ và chẳng làm gì khác hơn là an trú trong trạng thái yên lặng.

"Nhưng thế nào là người cứng rắn trong Chánh Kiến?

"Trước nhất là sáu nguyên tố mà bản chất có thể được mô tả như sau:

"Chất đất có thể là chủ quan (ở trong xác thân) hay khách quan (ở ngoài xác thân). Nếu ở bên trong thì nó thuộc về một cá nhân, mang tánh cách cá nhân và tùy theo sở hữu của mỗi con người. Đất có tánh cách cứng, rắn chắc hoặc có những tánh cách tương tự. Đó gọi là nguyên tố 'Đất', trong con người. Đem nó ra so sánh với chất đất bên ngoài thì chúng ta thấy rằng đó chỉ toàn là đất mà thôi.

"Tư cách hiểu biết chân chánh đúng theo thực tế như vậy khiến chúng ta nhận định rằng đó không phải là Ta, không phải của Ta và cũng chẳng phải là Bản Ngã. Khi biết nhận xét đúng theo chân lý như thế, con người không quan tâm gì tới chất đất và chẳng còn ngã chấp.

... (Bốn nguyên tố tiếp theo: nước, lửa, gió, hư không, cũng được giải thích theo thể thức kể trên).

"Ngoài năm nguyên tố trên đây, cái tâm được thanh lọc trở nên trong sạch cao thượng, đưa con người tới trình độ hiểu thấu rõ rệt mọi vật và biết phân biệt cái chi là vui, cái gì là khổ và cái gì không vui không khổ.

"Sự tiếp xúc vừa lòng làm phát sanh cảm giác vui thích. Khi vui thích người biết rõ mình đang trải nghiệm niềm vui và người cũng biết rằng lúc nào sự tiếp xúc thích thú không còn nữa thì niềm vui cũng biến tan. Đối với những sự tiếp xúc chán chê sâu não hoặc không vui không khổ người cũng biết nhận định rõ rệt đúng theo chân lý.

"Hỡi này chàng thanh niên đi hành hương! Như hai khúc gỗ được cọ xát với nhau trở nên nóng làm tung tóe ra những đốm lửa và khi chúng bị tách rời ra thì sức nóng biến tan. Cũng như thế ấy, sự tiếp xúc vừa lòng làm phát sanh cảm giác an vui thích thú. Khi trải nghiệm cảm giác đó người biết mình đang hưởng lạc thú và cũng biết rõ khi sự tiếp xúc vừa lòng chấm dứt thì

niềm vui cũng chẳng còn. Đối với sự tiếp xúc khổ sầu hoặc không vui không khổ, người cũng biết rõ.

"Này người thanh niên, sự thân nhiên thanh tịnh được thanh lọc cao thượng, nó sẽ trở nên mềm dịu sáng chói. Như nén vàng chưa tinh luyện (vàng đồ), được để vào khung đốt lửa lên cho cháy đỏ. Thỉnh thoảng người thợ kim hoàn dùng ống đồng thổi tắt ngọn lửa lên bề mặt cục vàng rồi gấp nó đem nhúng vào nước để quan sát coi công việc mình làm có chu đáo không? Vàng bị đốt chảy ra và được thanh lọc tách rời các loại kim xấu khác như thế nào để nó trở nên tinh vi, mềm dẻo, sáng chói, rồi đem làm ra nhiều món nữ trang như vòng, bông tai, dây chuyền cổ... và được kết quả tốt đẹp.

"Sự an tĩnh thân nhiên được thanh lọc, trau giồi cao thượng trở nên mềm dẻo sáng chói cũng như thế ấy.

"Chùng đó sự hiểu biết rõ rệt phát sanh đến cho người (hành giả) như vậy: "Vậy ta thử tập trung cái tâm được thanh lọc trau giồi cao thượng này và hướng nó về lãnh vực: Không Vô Biên, Thức Vô Biên hoặc Vô Hữu Sở rồi làm phát triển cái tâm trở nên rộng lớn bao la trong các lãnh vực và an trú trong trạng thái ấy một thời gian khá lâu. Quả thật ta đã thành tựu, nhưng đây cũng chỉ là những hiện tượng được chế tạo. Chúng chỉ có tánh cách tạm thời thoáng qua mà thôi".

"Như vậy, hành giả chẳng phí công tìm tòi về tư cách sanh diệt của những vật cấu tạo và chẳng thiết tha gì với chúng. Người được hoàn toàn tự do và chẳng còn chi ràng buộc trên thế gian này nữa.

"Được tự do rồi người không còn sợ hãi lo âu, nội tâm không xao xuyến và tin chắc rằng mình chẳng còn tái sanh nữa, mình đã sống tròn đủ cuộc đời cao thượng, các việc mình đã làm xong và không còn dính mắc với bất cứ việc gì trên cõi thế.

"Khi có cảm giác vui, khổ, hoặc không vui không khổ phát sanh, người biết rõ đó là những tình cảm tạm thời, không xem chúng là quan trọng và chẳng quyến luyến ôm ấp niềm vui.

"Khi có cảm giác rằng xác thân mình sắp kết liễu, người cũng biết rõ. Người biết đời sống chấm dứt như thế nào. Người biết sau khi cơ thể rã rời, tất cả những cảm giác và niềm vui đều hòa đồng vào cõi hoàn toàn tịch tịnh.

"Chẳng khác nào cái đèn cháy được là nhờ chất dầu và cái tim của nó. Nhưng khi dầu hao, tim lụn mà người không châm dầu khơi tim thì cái đèn phải tắt. Cũng như thế ấy, kẻ nào hiểu biết sự kết liễu của xác thân và kiếp sống, biết luôn cả tư cách hòa đồng những niềm vui khổ vào cõi tịch tịnh khi xác thân tan rã, kẻ đó đã hoàn toàn thoát ly ra khỏi bánh xe sanh tử.

"Thầy Tỳ kheo thuần thực như thế là người có sự "Quyết tâm cao cả về Chánh Kiến". Vì sự hiểu biết cao siêu cùng tột là tư cách thấu rõ trạng thái kết thúc nguồn thống khổ.

"Tư cách giải thoát căn cứ vào Chân Lý. Sự dối trá tự nó đã là xấu xa làm lạc. Chân Lý là Niết Bàn, là nơi chẳng còn sự dối trá nào cả. Lẽ đó thầy Tỳ kheo biết trau dồi phẩm hạnh thêm cao thượng đã thành đạt sự "Quyết tâm cao cả về Chân Lý". Vì Chân Lý cao siêu cùng tột là Niết Bàn, nơi chẳng còn điều chi dối trá.

"Khi đôi mắt (Tuệ Giác) chưa bùng sáng, con người bị trói chặt vào cuộc sống và tha thiết áp yêu nó. Giờ đây màn vô minh bị vệt, nhường chỗ lại cho ánh sáng cao siêu. Những sự vật nhận định do cặp mắt phàm phu khi trước hiện nay đã thay đổi. Thầy Tỳ kheo đi tới trình độ "Quyết tâm cao cả về sự Dứt Bỏ". Vì tư cách dứt bỏ cao siêu cùng tột là giải thoát (con người) ra khỏi những sợi dây trói chặt vào đời sống.

"Khi đôi mắt chưa bùng sáng, con người hằng làm môi cho si mê ái dục. Giờ đây chúng đã bị diệt tận gốc rễ, nhường chỗ lại cho sự thông minh sáng lạng. Những sự nhận định với cặp mắt phàm phu lúc trước, hiện nay đã thay đổi. Những sự tối tăm, sân hận, oán thù, tàn bạo, làm lạc bị diệt tận gốc rễ, nhường chỗ lại cho sự thông minh sáng lạng. Được trau dồi thuần thực như thế, thầy Tỳ kheo đi tới trình độ "Quyết tâm cao cả về sự An Tĩnh". Vì sự an tĩnh cao siêu cùng tột là dập tắt lòng tham dục, sân hận, si mê.

"Ta nói kẻ nào an trú vững chắc trong trạng thái yên tĩnh không còn bị những ý nghĩ vu vơ làm lạc, không lợi ích xâm nhập, kẻ đó đáng được gọi là bậc Đại Hiền Thanh Tịnh. Nhưng thế nào là ý nghĩ không lợi ích?

"Nói rằng: "Ta đây" là một ý nghĩ vô ích. Nói rằng: "Không phải Ta đây" là một ý nghĩ vô ích Ta sẽ tái sanh hay không sanh ra nữa? Ta sẽ có xác thân hay vô minh? Hữu tri hay vô tri? v.v..., đều là những ý nghĩ vô ích. Chúng giống như một chứng bệnh, như ung nhọt, như cái gai nhọn.

"Khi vượt qua khỏi các ý nghĩ vu vơ không lợi ích, người ấy được gọi là bậc Đại Hiền Thanh Tịnh, không còn sanh trưởng nữa, không còn sợ hãi và chẳng tham muốn gì nữa. Người đó không còn yếu tố gì để tái sanh. Không sanh trưởng thì sự già nua làm sao đến được? Mà không già thì khỏi chết. Nếu không chết thì còn sợ chi nữa và chẳng sợ hãi thì cần gì tham muốn?

"Hỡi chàng thanh niên đi hành hương! Đó là sự thuyết minh nhứt chi về những nguyên tố mà người cần ghi nhớ trong tâm".

"Nghe xong Chánh Giáo, Pukkusati nhận ra người khuyến hóa mình chính là Đức Thế Tôn, là Đấng Đại Giác. Chàng liền vén y bên vai phải, mọp xuống

chân Ngài: "Kính bạch Đức Thế Tôn, vì lỗi lầm điên dại nên con đã vô ý xưng hô với Ngài như đối với một đạo sĩ tầm thường. Vậy xin Đức Thế Tôn nhận lời sám hối tội lỗi và con nguyện sẽ không tái phạm nữa trong buổi tương lai".

"Đức Phật nói: "Lành thay! Đó là triệu chứng tấn hòa trong giới bổn, khi người tự biết lỗi mình, ăn năn sám hối và nguyện giữ gìn không cho tái phạm sau này".

- "Bạch Đức Thế Tôn, vậy xin Ngài cho phép con xuất gia thọ cụ túc giới để gia nhập vào Tăng Hội".

- "Này chàng thanh niên đi hành hương, vậy người có tam y quả bát rồi chưa?"

- "Bạch Đức Thế Tôn chưa có".

- "Này chàng thanh niên, Đức Chánh Biến Tri không thể ban cụ túc giới xuất gia cho kẻ nào không có y bát đặng".

"Rất thỏa thích về lời giáo đạo, chàng tu sĩ Pukkusati tỏ lòng tri ân, vái chào Đức Thế Tôn rồi đi tìm y bát. Nhưng lúc đi trên đường chàng rủi bị bò húc chết. Các Tỳ kheo được tin đến hỏi Đức Phật tại sao Pukkusati vừa mới nghe Ngài thuyết minh Chánh Giáo lại mang họa như thế? Vậy chớ người sẽ tái sanh về đâu và số phận ra sao?"

"Đức Phật thuyết:

"Này các Tỳ kheo, chàng thanh niên Pukkusati rất thông minh học rộng, đã thông suốt Giáo Lý khắp các ngành, từ thô thiển đến vi tế. Như Lai chẳng gặp khó khăn gì khi giáo hóa chàng ấy. Pukkusati đã chặt đứt hoàn toàn năm dây trói buộc vào kiếp sống. Chàng được sanh về cảnh giới an vui cao cả và không còn trở lại thế gian này nữa (Đắc quả thánh thứ ba là A Na Hàm, Bất Lai)".

"Chư Tăng đồng thanh hoan hỉ về lời giải thích của Đức Thế Tôn."

-- Trung Bộ, 141

Lời của dịch giả.

Trên đây là bài Pháp có tầm quan trọng đặc biệt dành cho những bậc thượng căn. Lời lẽ rất cao thâm tế nhị, khó hiểu, mang tánh cách "Siêu Thế Gian Pháp" (Lokuttara Dhamma) diễn tả trong mỗi con người có sáu nguyên tố. Năm cái đầu: Đất, nước, lửa, gió, và hư không là thuộc về Sắc Pháp. Nhưng đặc biệt là nguyên tố "Tâm" thuộc Danh Pháp là yếu tố nòng cốt cho sự giải thoát hay sao đạo. Tâm có năng lực đưa con người tới nơi

dứt khổ là Niết Bàn, nếu biết điều khiến nó đúng theo lời dạy của Đức Như Lai. Trái lại Tâm cũng có thể xô đẩy chúng sanh vào vòng si mê ái dục, gây nhiều nghiệp dữ, sa vào cạm bẫy của ma vương để dốt cuộc phải bị luân hồi khổ não triền miên trong tam giới.

Chúng ta nên tìm hiểu những nguyên nhân nào khiến Đức Phật thuyết minh cho chàng thanh niên Pukkusati nghe những điểm diệu thâm sau đây về bốn sự quyết tâm:

- 1) Quyết tâm thành đạt Chánh Kiến.
- 2) Quyết tâm bảo tồn Chân Lý.
- 3) Quyết tâm thỏa thích trong sự dứt bỏ.
- 4) Quyết tâm củng cố sự thân nhiên an tĩnh.

Đó là những huấn từ có tánh cách siêu thế chứ chẳng phải tầm thường. Đức Thế Tôn dùng Tuệ Nhân đoán biết rõ trình độ và phẩm hạnh của người thanh niên Pukkusati là thế nào. Một chàng tu sĩ trẻ trung giữa lúc xuân thời, đang sống cuộc đời nhàn nhã buông lung, lại dững mãi rời khỏi gia cư thân thuộc, đi sống đời hành khất cô đơn, cắt đứt những tình cảm thông thường, phát động một cuộc hành hương diệu vợi, xuyên qua rừng núi hiểm nguy theo dõi dấu chân của Đức Thế Tôn để xin xuất gia tu theo Chánh Giáo, chỉ vì được nghe qua danh tiếng của Đức Như Lai mà thôi. Một con người tuy còn trai trẻ nhưng mang dòng nhiệt huyết như vậy thế nào cũng có bộ óc thông minh xuất chúng, thích nghe, thích hiểu, thích làm. Pukkusati là con người thực tế dám hành động theo lẽ phải, không do dự, không thối chuyễn.

Vì thấu rõ tâm địa của Pukkusati, Đức Thế Tôn biết thế nào chàng ta cũng liễu ngộ sau khi nghe Pháp, và chính Ngài đã cho chư Tăng biết rằng Pukkusati rất thông minh học rộng nên Ngài khuyến hóa dễ dàng.

1) Về điểm "Quyết tâm thành đạt Chánh Kiến" ở đây không phải là sự hiểu biết thông thường của hạng phàm nhân, biết nhận định phải quấy, tốt xấu, lành dữ xuyên qua các sự việc biểu lộ bên ngoài bản thân, mà là sự trải nghiệm quán xét đúng theo chân lý nội tâm về những nguyên tố tùy thuộc Sắc Pháp và Danh Pháp ẩn sâu trong mỗi cá nhân.

Khi Tuệ Giác bừng sáng sau thời gian hành đạo nhọc nhằn, gian khổ, bậc siêu nhân nhìn thấy rõ rệt thân mình chỉ là sự phối hợp những nguyên tố: đất, nước, lửa, v.v., và các Sắc Pháp đó tự chúng cũng không bền vững lâu dài. Vì lẽ ấy hành giả chẳng còn tung tiu ôm ấp quý trọng xác thân nữa. Trên các nguyên tố thô sơ đó, Đức Phật cho Danh Pháp là những trạng thái do tâm cấu tạo, rất tế nhị, nhưng cũng đều là vô thường biến đổi.

Sự hiểu biết cùng tột như vậy gọi là "Chánh Kiến Siêu Thế Gian".

2) "*Quyết tâm bảo tồn Chân Lý*" có nghĩa là giữ vững lập trường đạo đức của mình luôn luôn vững chắc, dứt khoát. Đức Phật nói Niết Bàn là Chân Lý cùng tột và Chân Lý cùng tột là Niết Bàn. Vì lẽ đó, các bậc hành giả trong Phật Giáo phải cố gìn giữ Chân Lý không hề chên lệch để nhắm thẳng mục đích cuối cùng là Niết Bàn. Trên đường tu tập, chúng ta không nên thỏa thích, toại nguyện ôm ấp vài thành quả phi thường có tánh cách huyền bí tạm thời như đắc phép thần thông, được sống lâu, biết ẩn chú,.. vân vân... Luôn cả trường hợp đắc bốn bậc Thiên Vô Sắc để hưởng phước hàng vạn triệu năm trên thiên giới cũng không đáng say mê ôm ấp. Sự quyết tâm này cũng thuộc lãnh vực Siêu Thế.

3) "*Quyết tâm dứt bỏ*": Người đời có thể vì hoàn cảnh, vì uất hận hoặc tự ái cá nhân, dám bỏ địa vị, danh vọng, tài sản, xa lìa quyến thuộc. Thịnh thoảng có vài kẻ chán đời khi nghe được đạo lý, rồi bỏ nhà cửa vợ con ra đi tìm đường thánh thiện. Nhưng đây cũng là trường hợp dứt bỏ của hạng phàm phu do những động cơ bất thường thúc đẩy chứ không phải do sự xét đoán thông minh. Vì chí hướng con người luôn luôn thay đổi vô chừng.

Vì lẽ đó, phát sanh ra nhiều trường hợp các nhà tu hành, lúc đầu rất hăng hái, dám ly gia cắt ái, kham khổ hành đạo. Nhưng thời gian sau, hoặc bị Tà Tư Duy khuấy rối, hoặc bị tiền tài danh lợi cám dỗ nên sa ngã, không tìm cách "Tự Giác - Giác Tha" trước cứu mình sau độ người để nắm tay nhau thoát ra khỏi sông mê biển khổ.

Trên đây Đức Phật dạy hành giả cần phải dứt bỏ những gì quý báu nhứt của chính mình, dù là bản thân đi nữa. Dứt bỏ những thành quả tạm thời trên đường tu tập như đắc phép màu, ếm quỷ trừ ma, bùa mê thuốc lú... và dứt bỏ luôn cả bốn bậc Thiên Vô Sắc thì mới mong thấu rõ Chân Lý cùng tột là Niết Bàn. Đây là tư cách dứt bỏ siêu thế gian mà người phàm tục ít khi biết tới.

4) "*Quyết tâm củng cố sự thảo nhiên an tĩnh*": Theo kinh điển, đạo quả thánh nhân có thể thành đạt do hai đường lối là "Minh Sát" (Vipassana) và "Tịnh Tâm" (Samatha). Người không có thiên định nhưng đắc một trong bốn quả thánh gọi là "Sukkhavipassaka" nghĩa là dùng Tuệ Giác soi thấu tất cả để làm khô cạn phiền não. Người đắc quả thánh do Pháp Thiên Định gọi là "Samatha Yanaka", nghĩa là dùng Pháp Tịnh Tâm làm lắng dịu phiền não.

Chúng ta thường có dịp gặp những con người hay trầm tư mặc tưởng, dáng điệu trang nghiêm, ít nói năng, nhưng thật sự tâm trung của họ chưa nhứt thiết là yên tĩnh. Một nhà tu hành ngồi ngay thẳng, đôi mắt lim dim, tánh tình hòa hưởng, với nụ cười kín đáo trên đôi mép hoặc tịnh khẩu như bình,

cũng chưa có gì đảm bảo rằng nội tâm của người ấy là yên tĩnh. Lời nói hàm hồ viển vông của người thế gian là điều vô ích trong cuộc sanh hoạt hằng ngày, nhưng cũng không mấy tai hại.

Đối với bậc hành giả, tình thế lại tế nhị tâm lý hơn nhiều. Chẳng những bên ngoài người ấy phải luôn luôn thu thúc, gìn giữ oai nghi phong độ, chỉnh tề, mà cốt yếu là phải điều ngự nội tâm cho an tĩnh thanh cao, không cho những tư tưởng tà vạy chẳng lợi ích xâm nhập khuấy rối làm ô nhiễm thì mới mong tìm thấy đạo quả. Các ý nghĩ bông lông vô ích hay Tà Tư Duy gây trở ngại lớn lao cho người hành đạo. Chúng là ma vương, là tùy phiền não ẩn sâu trong tiềm thức đã lâu đời, luôn luôn ám ảnh theo dõi hành giả tận chốn núi cao rừng thẳm, cản ngăn bước tiến.

Bởi vậy Đức Phật dạy người giới tử phải cương quyết gạt bỏ những ý nghĩ không lợi ích, ráng giữ lòng thanh tịnh để thấu rõ Chân Lý tuyệt đối là Niết Bàn, và trở thành bậc Đại Hiền Thanh Tịnh (Muni). Nghĩa là luôn luôn sống trong sự yên lặng và chẳng làm gì khác hơn là bảo trì thân tâm yên tĩnh an vui.

Nói tóm lại cho dễ hiểu, Đức Phật mô tả con người như một Tiểu Càn Khôn (Thế giới nhỏ) được cấu thành bởi Tinh Thần và Vật Chất (Danh Sắc, Nama Rupa). Đạo giải thoát chỉ tìm ra nội bên trong bản thân chứ không thể có ở bên ngoài. Hành giả cần phải trác nghiệm các hiện tượng tâm lý (Danh Pháp) và vật chất (Sắc Pháp) để tìm ra chân lý.

Người hành đạo chỉ hoàn tất con đường thánh thiện khi nào tuệ giác bừng sáng cho thấy rõ Danh và Sắc Pháp đều là vô thường biến đổi cần phải loại trừ.

---o0o---

13. Những phép màu

"Hỡi các Tỳ kheo! Ba phép màu đó là thế nào?"

- 1) Phép màu về thân thông biến hóa (Thần Túc Thông),
- 2) Phép màu về Tha Tâm Thông (Đoán biết tư tưởng kẻ khác),
- 3) Phép màu về Giáo Pháp (Giáo Hóa Thân Thông).

"Đây là phép màu thứ nhất nói về trường hợp một đạo sĩ có năng lực phi thường, biết biến hóa ra thiên hình vạn trạng lạ đời. Từ một, người biết phân thân ra làm nhiều người và từ nhiều người biến lại thành một. Từ hiện diện người biến mất rồi tái xuất hiện. Người có thể đi ngang qua một tường thành hay xuyên qua đỉnh núi như đi trên khoảng trống. Người chui xuống đất rồi trở lên dễ dàng như lao mình xuống nước. Người đi trên nước bằng phẳng

như trên mặt đất. Người ngao du trên hư không, ngồi trên chân như chim bay. Người có thể sờ mó mặt trời hay mặt trăng theo ý muốn. Người có thể điều khiển thân mình cho tới cõi trời Phạm Thiên. Đó là phép màu về thân thông biến hóa.

"Còn đây là phép màu về Tha Tâm Thông. Một đạo sĩ có năng lực huyền bí đoán biết: "Anh đang suy tính thể này hoặc thể khác". Dù tư tưởng kẻ khác rắc rối mấy, người cũng đoán không sai. Chỉ nắm được một triệu chứng do tiếng nói của người, của hạng phi nhơn hay chư thiên, người cũng đoán được tư tưởng của họ, không sai chạy mấy may, dù đoán bao nhiêu lần cũng không trật. Hoặc giả ông thầy bói có hành thiền định cũng biết được tư tưởng kẻ khác không cần bắt được triệu chứng nào bằng cách điều khiển tâm mình xuyên qua tư tưởng kẻ khác. Dù đoán bao nhiêu lần cũng không sai. Đó là phép màu về Tha Tâm Thông.

"Còn phép màu về Giáo Pháp là thế nào? Trong trường hợp này, một ông giáo chủ dạy giới tử: "Người nên học hỏi như thế này chớ chẳng phải như thế kia. Người phải thực hành như thế này chứ không phải như thế khác. Người hãy cố gắng thành tựu phẩm hạnh như vậy và ráng bảo tồn mức độ ấy". Đó là phép màu về Giáo Pháp.

-- *Tăng Chi Bộ, I*

---o0o---

14. Đức Phật chê những phép thần thông và tha tâm thông

"Này các Tỳ kheo, nhưng có trường hợp một kẻ vô tín ngưỡng phanh phui châm biếm như vậy: "Nào lạ gì? Có một thứ bùa chú gọi là Gandhari. Nhờ bùa chú đó mà ông đạo sĩ mới biến hóa được ra thiên hình vạn trạng, biết phân thân, chui xuống đất, đi trên nước, bay trên hư không..."

"Này các Tỳ kheo, vì nhận thấy sự vô ích, bất hảo của các phép thần thông nên Như Lai nhàm chán không muốn chúng được phô trương. Về phép Tha Tâm Thông cũng thế, nó chẳng tốt đẹp gì. Vì đôi khi kẻ vô tín ngưỡng nói: "Nào lạ gì? Có một loại ngọc kim cương. Nhờ thứ ngọc đó mà ông đạo sĩ đoán được tư tưởng kẻ khác, nào là: "Anh đang suy nghĩ thể này, toan tính thể kia... Vì nhận thấy sự vô ích bất hảo của phép Tha Tâm Thông nên Như Lai nhàm chán, không muốn chúng được phô trương".

-- *Trường Bộ, I*

---o0o---

15. Đức Phật trách phạt Tỳ kheo Pindola Bharadvaja

Ngày kia một thương gia giàu có tại thành Vương Xá (Rajagaha) cho treo một cái bình bát bằng cây trầm hương trên ngọn cây tre và tuyên bố: "Nếu có thầy đạo sĩ hay sa môn nào tài giỏi biết phép thần thông, lên tới ngọn tre lấy được bình bát, thì nó sẽ thuộc về phần vị đó". Sáu ông giáo chủ nhóm ngoại đạo đến thử tài nhưng không xong. Khi đó thầy Tỳ kheo Pindola Bharadvaja dùng thần thông bay lên lấy bát. Dân chúng thành Vương Xá reo hò vỗ tay hoan nghinh trong lúc thầy Tỳ kheo Pindola Bharadvaja ôm bát bay quanh thành Vương Xá ba vòng, rồi theo yêu cầu của người thương gia, ông đáp xuống trước sân nhà.

Nghe tiếng reo hò của dân chúng, Đức Phật hỏi. Đại đức Ananda thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, chính ngài Pindola Bharadvaja đã lấy được cái bình bát của người thương gia nên dân chúng mới reo hò như thế".

Đức Phật liền quở trách Đại đức Pindola như vậy:

"Này Pindola, hành động đó thật chẳng xứng đáng chút nào. Hành động đó không hợp lẽ, không tốt đẹp với một sa môn. Là việc chẳng nên làm. Tại sao với cái bình bát không ra gì, người lại phô trương cho người đời biết những việc phi thường, những phép thần thông? Như vậy chẳng khác nào một phụ nữ vén khó lên cho người xem để được một Masaka mẽ góc.

Sau khi quở trách Đại đức Pindola xong Đức Phật thuyết:

"Này các Tỳ kheo, các người không nên biểu diễn những chuyện phi thường, những phép thần thông trước công chúng. Tỳ kheo nào bất tuân sẽ bị phạt theo điều luật "Hành ác" của Giới Bản. Này các Tỳ kheo, hãy đập bể cái bình bát đó, đem cán ra thành bột phấn rồi các người chia nhau để thoa tay"

-- Luật 11

Lời của dịch giả

Nói về bản chất, phép thần thông là con dao hai lưỡi, lợi ít hại nhiều, không thể đưa tới giác ngộ, nên Đức Phật cấm đoán các đệ tử không cho biểu diễn trước công chúng. Thật ra, nó chỉ là thành quả của bốn năng lực căn bản "Iddhi padas" (Tứ Chánh Cần): Tập trung ý muốn, tập trung nghị lực, tập trung tư tưởng và tập trung sự quan sát trong Pháp hành thiền định. Một đôi khi Đức Phật và Đại đức Mục Kiền Liên cũng thi thố phép màu, nhưng với mục đích cứu độ kẻ khác. Phần đông hành giả đắc Phạm Định thường ưa thích phép thần thông, ôm ấp bám dính nó rồi trở nên cống cao ngạo mạn để sau cùng phải mang họa như trường hợp ông Đề Bà Đạt Đa.

Trong ba phép màu kể trên, Đức Phật chỉ khuyến khích về cái thứ ba là phép màu về Giáo Pháp. Đây là uy lực tuyệt đối phi thường về nội tâm để chế ngự

tư tưởng của đối phương mà chỉ các Đấng Toàn Giác mới có. Đức Thế Tôn đã bắt buộc phải áp dụng phép mầu này trong hai trường hợp làm cho 5 ông Kiều Trần Như và Đức Ca Diếp (Ourouvela Kassapa, giáo chủ nhóm thờ thần lửa Djatilas) phải vâng lời và xin thọ giáo với Ngài:

1) Chỉ sau khi nghe Đức Phật tiết lộ rằng Ngài đã thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, năm ông Kiều Trần Như mới thôi gọi Ngài là bạn và chịu tiếp rước.

2) Dù Đức Thế Tôn đã thi thố 3500 phép lạ, nhưng Đức Ca Diếp vẫn cho mình là tài giỏi cao thượng hơn Phật. Ông chỉ chịu phục tùng khi nghe Phật cho biết rằng ông chưa đắc đạo quả gì cả.

---oOo---

16. Lời giáo đạo của Đức Thế Tôn cho ngài Rahula nghe

Ta có nghe như vậy:

"Thuở nọ Đức Thế Tôn đang ngụ tại rừng tre gần thành Vương Xá. Cùng lúc đó Đại đức Rahula cũng an trú hành đạo tại Ambalattthika. Sau khi xuất định, Đức Phật lên đường đi về phía Ambalattthika. Từ xa thấy dạng Đức Thế Tôn, Đại đức Rahula vội vã sắp đặt chỗ ngồi và mang nước đến cho Ngài rửa chân. Đến nơi, Đức Phật an tọa và rửa chân xong, Đại đức Rahula đánh lễ rồi ngồi kế bên.

"Đức Phật để dư lại dưới đáy ô chút ít nước và hỏi:

- "Này Rahula, ngươi có thấy chút nước dưới đáy ô không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, thấy".

- "Cũng như thế đó Rahula, đời đạo đức của kẻ xuất gia thật mỏng manh ít ỏi khi người không hổ thẹn, tha hồ dối trá và không chân thật".

"Đổ hết nước trong ô rồi Ngài hỏi:

- "Này Rahula, ngươi có thấy nước trong ô đã đổ hết ra ngoài không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, thấy".

- "Thì cũng như thế đó Rahula, đời đạo đức của kẻ xuất gia bị vất bỏ khi chẳng biết hổ thẹn, tha hồ dối trá và không chân thật".

"Úp ô xuống Ngài hỏi:

- "Này Rahula, ngươi có thấy cái ô úp xuống không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, thấy".

- "Thì cũng như thế đó Rahula, đời đạo đức của kẻ xuất gia bị đảo lộn khi chẳng biết hổ thẹn, tha hồ dối trá và không chân thật".

"Lật ngựa ô lên Ngài hỏi:

"Này Rahula, người có thấy cái ô lật ngựa trông trơn không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, thấy".

- "Thì cũng như thế đó Rahula, đời đạo đức của kẻ xuất gia thật rỗng không, khi người chẳng biết hổ thẹn, tha hồ dối trá, thiếu chân thật.

"Hỡi này Rahula! Cũng như thốt voi trận của đức vua có cặp ngà dài, cứng chắc, thuộc loại voi giống được huấn luyện để xông pha chiến địa. Nhưng lúc lâm trận nó chỉ làm phận sự với hai cẳng trước, với hai cẳng sau, với thân hình phía trước, thân hình phía sau, với cái đầu, với hai vành tai, với cặp ngà, với cái đuôi.. nhưng vẫn lo bảo vệ cái vòi của nó để khỏi thương tổn.

"Tên nài nghĩ rằng: "Đây là thốt voi trận của nhà vua có cặp ngà dài, cứng chắc, thuộc loại voi giống được huấn luyện để xông pha chiến địa. Nhưng khi lâm trận nó làm phận sự với hai cẳng trước, với hai cẳng sau, với thân hình phía trước, thân hình phía sau, với cái đầu, với hai vành tai, với cặp ngà với cái đuôi song vẫn lo bảo tồn cái vòi của nó cho khỏi thương tổn. Như thế, con voi không chịu hy sinh hết mình cho đức vua".

"Này Rahula, nhưng nếu thốt voi trận của nhà vua có cặp ngà dài, cứng chắc, thuộc loại voi giống được huấn luyện để xông pha chiến địa. Lúc lâm trận nó làm phận sự với hai cẳng trước, với hai cẳng sau, với thân hình phía trước, thân hình phía sau, với cái đầu, với hai vành tai, với cặp ngà, với cái đuôi và luôn cả cái vòi của nó.

"Tên nài nghĩ rằng: "Đây là thốt voi trận của nhà vua có cặp ngà dài, cứng chắc, thuộc loại voi giống được huấn luyện để xông pha chiến địa. Khi lâm trận nó dám hy sinh tất cả cho nhà vua, thì chẳng việc gì nó không làm được.

"Này Rahula, cũng như thế đó, kẻ nào không biết hổ thẹn, tha hồ dối trá, thì không có việc gì xấu xa tội lỗi mà người chẳng dám làm. Lẽ đó người hãy cố huấn luyện tập như vậy: "Dù trong lúc nói chuyện vui đùa, tôi nhứt quyết không hề dối trá".

"Phật hỏi tiếp:

- "Rahula, vậy người biết cái gương dùng để làm gì?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, gương dùng để soi thấy mặt, để phản chiếu mọi vật".

- "Cũng thế ấy Rahula, con người cần soi sáng, nghĩa là phải suy đi nghĩ lại kỹ càng trước khi hành động bằng thân, suy đi nghĩ lại kỹ càng trước khi hành động bằng khẩu, suy đi nghĩ lại kỹ càng trước khi hành động bằng ý".

"Này Rahula, dù muốn làm bất cứ việc gì bằng thân người phải suy nghĩ kỹ lưỡng về hành vi đó. Người tự hỏi rằng: "Hành động bằng thân này sẽ mang lại hậu quả xấu xa tai hại cho ta không, có tai hại cho kẻ khác không, hoặc có tai hại cho cả hai? Hành động đó sẽ gây ra nghiệp dữ và đưa đến khổ đau không?" Nếu người suy nghĩ thấy: "Hành động bằng thân mà ta định làm đây là xấu xa nguy hại cho ta, nguy hại cho kẻ khác, hoặc nguy hại cho cả hai. Hành động đó sẽ gây ra nghiệp dữ, đưa đến khổ đau". Rahula, chừng đó người phải cố gắng gạt bỏ ý nghĩ muốn làm việc đó.

"Này Rahula, nhưng nếu người suy nghĩ: "Hành động bằng thân mà ta định làm đây không mang lại hậu quả xấu xa cho ta, không mang lại hậu quả xấu xa cho kẻ khác hoặc cho cả hai. Đó là hành động tốt tươi cao thượng sẽ đưa đến hạnh phúc an vui". Chừng đó người nên làm việc ấy.

"Này Rahula, khi đang hành động bằng thân, người cũng nên suy nghĩ: "Vậy chớ việc ta đang làm bằng thân đây sẽ mang lại cho ta những hậu quả xấu xa tai hại chẳng, hoặc tai hại cho kẻ khác hay cả hai? Việc đó có xấu xa tội lỗi và sẽ đưa đến khổ đau không?". Này Rahula, nếu suy nghĩ thấy việc đang làm bằng thân là xấu xa đê tiện, nó mang lại hậu quả tai hại cho ta, cho kẻ khác hoặc cho cả hai và sẽ đưa đến khổ đau, chừng đó người nên đình chỉ ngay việc làm đó.

"Này Rahula, nhưng nếu người suy nghĩ: "Hành động bằng thân mà ta đang làm đây không mang lại hậu quả xấu xa tai hại cho ta, cho kẻ khác hoặc cho cả hai và nó chẳng đưa đến khổ đau". Chừng ấy người nên tiếp tục làm việc đó.

"Này Rahula, khi một việc làm bằng thân đã thực hiện rồi, người nên suy nghĩ: "Vậy chớ sự hành động bằng thân vừa rồi sẽ mang lại cho ta những hậu quả xấu xa tai hại chẳng, nó sẽ tai hại cho kẻ khác hoặc cả hai không?" Này Rahula, nếu suy nghĩ thấy việc đã làm bằng thân đó là tai hại cho mình, cho kẻ khác hoặc cho cả hai, thì người nên sám hối tội lỗi với Như Lai hay các vị cao tăng và nguyện sẽ chẳng tái phạm về sau.

"Này Rahula, nhưng nếu người suy nghĩ: "Việc làm bằng thân vừa rồi không mang lại hậu quả xấu xa tai hại cho ta, cho kẻ khác hoặc cả hai. Đó là hành động tốt tươi cao thượng sẽ đưa tới hạnh phúc an vui". Chừng đó người nên phát tâm hoan hỉ thỏa thích và rắng ghi nhớ, niệm tưởng phước báu về việc lành đã làm xong bằng thân".

(Những hành động do khẩu, do ý, cũng được giải thích như thể thức kể trên).

"Này Rahula, bất cứ là trong thời quá khứ, trong buổi tương lai hoặc hiện nay, các đạo sĩ hay Bà La Môn muốn cho những hành vi về thân, khẩu, ý của mình được đứng đắn thanh cao, cho ngày thêm trong sạch, cần phải suy đi nghĩ lại kỹ càng trong mỗi việc làm, mỗi lời nói, mỗi ý nghĩ, cân phân, tính toán... và luôn luôn suy nghĩ".

"Đức Thế Tôn dứt lời, Đại đức Rahula phát tâm hoan hỉ thỏa thích về sự khuyến hóa của Đức Như Lai."

-- Trung Bộ, 61

Lời của dịch giả

Trong cuộc lễ xuất gia, với sự chứng minh của chư cao tăng đại đức, thầy Tỳ kheo long trọng nguyện vâng giữ những điều học ghi trong giới bốn của Đức Phật.

Ngoài giới cấm Bất Cộng Trụ (bị trục xuất ra khỏi giáo hội) và Tăng Tàn (cấm phòng) thì các giới khác có thể được ân xá sau khi người phạm giới biết ăn năn sám hối và cam kết không tái phạm. Đúng theo tinh thần của Tạng Luật, sự chân thật của bậc xuất gia là yếu tố tối trọng để bảo trì giới hạnh của người tu sĩ cho mau tiến hóa và sự dối trá là điều nguy hại làm tắc nghẽn đường đạo đức.

Thầy Tỳ kheo không những gìn giữ giới hạnh trang nghiêm bên ngoài mà cần nhất là phải thành thật với chính bản thân, ráng tránh xa, ghê sợ các điều quấy do thân, khẩu, ý và biết hổ thẹn tội lỗi.

Cũng như quả địa cầu nâng đỡ vạn vật, giới luật có tánh cách bảo trì nâng đỡ người tu hành đi tới mục đích cao cả và kẻ nào chẳng biết hổ thẹn tránh xa tội lỗi, cố tâm ém nhẹm việc làm bất chánh, không chịu sám hối chữa cải mà vẫn duy trì tăng tướng giả dối bên ngoài, Đức Phật nói:

- Đồi đạo đức của người đó rất ít cũng như chút nước đọng dưới đáy hồ.
- Đồi đạo đức của người đó bị vớt bỏ cũng như chút nước bị tạt hết ra ngoài.
- Đồi đạo đức của người đó bị đảo lộn như cái ô bị úp xuống.
- Đồi đạo đức của người đó rộng không như cái ô lật ngửa trông trơn.

---o0o---

Tập 4

17. Ông hoàng Mahanama chưa dứt trừ được phiền não

Một thuở nọ Đức Thế Tôn đang ngự tại vườn cây sung trong lãnh thổ của dòng Thích Ca, gần kinh đô Kapilavatthu (Ca Tì La Vệ). Hoàng tử Mahanama tìm đến nơi, cung kính đánh lễ, ngồi kế bên Ngài và hỏi:

"Bạch Đức Thế Tôn, trước đây tôi có nghe và hiểu biết Giáo Lý của Ngài thuyết ra như vậy: "Sự tham lam làm cho tâm trí như bản. Sự sân hận làm cho tâm trí như bản. Sự si mê làm cho tâm trí như bản". Và tôi đã quan niệm Giáo Pháp đúng như thế. Nhưng chẳng biết tại sao một đôi khi những ý nghĩ tham lam xâm chiếm tâm trí tôi. Những tư tưởng sân hận, si mê lại xâm chiếm tâm trí và khuấy rối tôi.

"Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ còn cái chi ở trong người tôi khiến cho phiền não Tham - Sân - Si một đôi khi xâm chiếm khuấy rầy tâm trí tôi như vậy?"

"Đức Phật đáp:

"Này Mahanama, vì người chưa chịu dứt bỏ "cái chi" đó nên các trạng thái Tham - Sân - Si mới vài khi có cơ hội xâm chiếm tâm trí. Chắc như vậy Mahanama, nếu "cái chi" đó bị dập tắt và không tồn tại, thì người đâu còn bận bịu với gia đình? Ở trong gia đình người tìm được nhiều thú vui để thỏa mãn lòng tham dục. Vì lẽ "cái chi" đó chẳng bị sa thải nên người mới thích sống trong gia đình để tìm các thú vui hầu thỏa mãn lòng tham dục.

"Này Mahanama, sự tham muốn (ngũ trần) nào có mùi vị gì? Chúng chỉ làm cho đảo điên thất vọng mà thôi. Tham muốn sắc trần là nỗi khổn cùng tột độ. Nếu người giới tử cao quý biết nhận định đúng theo chân lý lòng tham dục là xấu xa nhưng chẳng chịu dứt bỏ cái tâm tìm kiếm thú vui trong sắc trần, thì người không tìm đâu ra hạnh phúc và trở nên cao thượng.

"Này Mahanama, còn người giới tử cao quý biết dùng trí tuệ tuyệt vời để quán xét cho thấy rõ rệt những điều đó, biết rõ sự khao khát vô bờ bến của lòng tham muốn, hiểu rõ những nỗi điên đảo khổn cùng của sắc trần xấu xa tội lỗi và biết rõ mình chỉ được hạnh phúc an vui, được trở nên cao thượng, khi nào biết tránh xa sự tìm kiếm những thú vui theo ngũ dục.

"Này Mahanama, về phần Như Lai lúc chưa giác ngộ, khi chưa đắc đạo quả Chánh Đẳng Giác, khi còn chiến đấu để thành đạt Tuệ Giác, Ta cũng nhận thấy những nỗi khổn của tâm tham muốn. Nhưng ngoài các thú vui trần tục xấu xa tội lỗi, Ta chẳng tìm đâu được an vui hạnh phúc. Ta vẫn không tìm cách lánh xa và cố đeo đuổi theo chúng. Đến khi thành đạt trí tuệ cùng tột, Ta mới thấu rõ bản chất thực tế của lòng tham dục như hiện nay và biết rằng chỉ sống ngoài tham dục mới tìm được an vui hạnh phúc, mới trở nên cao thượng. Rồi ta cố gắng tránh xa, chẳng tìm những thú vui trần tục nữa.

"Này Mahanama, các thú vui của tâm tham dục chỉ là những trạng thái do giác quan tiếp nhận. Sự thỏa thích toại lòng đều do chúng đưa vào. Những nỗi thống khổ của lòng tham dục là muốn vật chi không được. Hoặc giả được rồi nó lại mất đi vì bị lửa thiêu cháy, bị nạn lụt hay những tên trộm mang đi.

"Nỗi khổ đau của tâm tham dục là thế này: "Nó khiến gây ra chiến tranh giữa những người này và người khác, làm phát sanh thương tật chết chóc, gây thiệt hại cho kẻ lảng giềng, rồi phải đau đớn vì bị hành phạt, tra tấn, trăm quyết". Niềm thống khổ của lòng tham dục là như thế đó.

"Này Mahanama, một thuở nọ, Như Lai đang ngự trên chót núi Kỳ Xà Quật (núi Kên kên). "Cùng lúc đó tại quả núi Hắc Sơn phía bên đồi của các đạo sĩ có rất nhiều người lỏa thể tu khổ hạnh thuộc phái "Đứng" không khi nào ngồi hay nằm. Vì đó họ phải chịu biết bao thống khổ nhọc nhằn.

"Một buổi trưa, sau khi xuất định như thường lệ, Như Lai đứng dậy, cất bước dạo sang phía những người tu lỏa thể và hỏi:

"Hỡi này các bạn! Tại sao các người lại sống lỏa lồ, đứng hoài không chịu ngồi ghế, không chịu nằm trên giường? Làm vậy các người ắt bị đau khổ hao mòn biết mấy?"

"Nhóm lỏa thể trả lời:

"Này ông bạn, thầy của chúng tôi là giáo chủ Nathaputta (Ni-kiền Tử) rất thông minh trí tuệ, hiểu thấu tất cả. Ông quả quyết đã thành đạt Tuệ Giác và tuyên bố như vậy: "Dù ở yên hay cử động, ngủ hay thức, Tâm Nhân và Tuệ Giác của ta không hề bị gián đoạn". Thầy chúng tôi còn dạy: "Hỡi này các đạo sĩ! Trước kia các người đã gây ra nghiệp dữ. Vì vậy hôm nay các người phải kiên trì khổ hạnh, gánh chịu đau đớn nhọc nhằn như thế để đền bù lại các tội lỗi ngày xưa. Khi thân xác bị dày vò như thế, thân khẩu ý bị hành hạ kèm hãm như thế, khiến các người khỏi trả quả đớn đau về buổi tương lai. Bằng đường lối khổ hạnh, các người đã hủy diệt những nghiệp cũ và chẳng gây ra nghiệp mới, không có hành vi mới. Hành vi mới chấm dứt thì không tạo nghiệp. Nghiệp bị hủy diệt thì nỗi thống khổ cũng tiêu tan. Không khổ thì cảm giác chẳng còn. Cảm giác không còn thì muôn ngàn khổ não sẽ hao mòn khô cạn". Đó là những điều tuyệt hảo của chúng ta. Chúng ta nên hoan hỉ tự hào với kiến thức ấy".

"Này Mahanama, chừng đó Như Lai nói với các người lỏa thể:

"Hỡi các ông bạn lỏa thể! Vậy các người có biết rõ kiếp trước mình đã có sanh ra làm người không? Có khi nào các người nghĩ rằng kiếp trước mình chẳng được sanh ra làm người chẳng?"

- "Này ông bạn, chúng tôi không biết".
- "Các người có biết kiếp trước mình có gây ra nghiệp dữ hay đã lánh xa tội lỗi không?".
- "Chúng tôi không được biết".
- "Các người có biết rõ trong kiếp trước mình đã gây ra điều xấu xa tội lỗi như thế nào không?".
- "Chúng tôi không biết".
- "Các người có biết với những khổ đau quá khứ, những khổ đau được tồn trữ, cộng thêm với những khổ não hiện nay, mình có thể diệt tận nguồn thống khổ không?".
- "Chúng tôi không được biết?".
- "Các người có thể nghĩ rằng làm như vậy trong kiếp hiện tại thì những điều xấu xa tội lỗi chấm dứt và sẽ đạt được mục đích tốt lành cao thượng không?".
- "Chúng tôi không được biết".
- "Hỡi này các bạn lửa thê! Các người đã công nhận rằng không biết kiếp trước mình đã được sanh làm người hay không? Chẳng biết kiếp trước mình đã gây ra nghiệp lành hay nghiệp dữ? Không biết hành vi mình khi đó là thế nào? Không biết với nghiệp quá khứ và nghiệp tồn trữ đã gây khổ đau, cộng với cách hành thân hoại thể hiện nay có thể diệt tận nguồn thống khổ không? Các người cũng không biết phải chăng trong kiếp hiện tại các việc xấu xa tội lỗi đều chấm dứt và mục đích cao thượng đã thành đạt? Như thế các đạo sĩ lửa thê không khác gì những hạng người bị sanh vào cảnh giới khốn cùng, bàn tay đầm máu vì đã gây ra nhiều nghiệp dữ".
- "Hỡi thầy Gotama! Hạnh phúc không sao thành đạt được bằng sự an vui no đủ. Thật ra chỉ nhờ đường lối khổ hạnh con người mới mong thoát khổ. Nếu sự sung túc đầy đủ đem lại hạnh phúc thì hân đức vua Senya Bimbisara (Bình Sa Vương) là hoàn toàn hạnh phúc. Vì nhà vua sống cuộc đời vàng son phong phú hơn thầy Gotama rất nhiều".
- "Các ông đạo sĩ nói hơi vội vã chẳng kịp nghĩ suy kỹ lưỡng. Như Lai xin hỏi: "Vậy chớ giữa hai nhân vật cao quý, Ta và đức vua Bimbisara, ai là người có hạnh phúc nhiều hơn".
- "Này thầy Gotama đáng kính, thật quả vậy, chúng tôi đã vội vàng hấp tấp, thiếu suy nghĩ khi nói rằng hạnh phúc không sao thành đạt được bằng sự an vui no đủ. Chỉ nhờ đường lối khổ hạnh con người mới mong thoát khổ. Nếu sự sung túc đầy đủ mang lại hạnh phúc thì đức vua Senya Bimbisara hẳn là

hoàn toàn hạnh phúc. Vì nhà vua sống cuộc đời vàng son phong phú hơn thầy Gotama rất nhiều. Tuy nhiên nên để chuyện đó qua một bên và chúng tôi xin hỏi lại: "Vậy chớ giữa hai nhân vật cao quý đó, đức vua Bimbisara và thầy Gotama đáng kính, ai là người sống cuộc đời hạnh phúc hơn?"

- "Tới phiên Như Lai xin hỏi lại, các người nên trả lời cách nào cho thỏa đáng. Vậy các ông nghĩ sao? Đức vua xứ Magadha là Senya Bimbisara có thể nào ở yên không cử động hoặc im lặng chẳng thốt một lời trong thời gian bảy ngày, bảy đêm mà vẫn hạnh phúc chăng?"

- "Này ông bạn, không sao thể được".

- "Còn Như Lai thì có thể giữ thân hình yên tĩnh không cử động, chẳng thốt một lời trong thời gian một ngày và một đêm nhưng vẫn hoàn toàn an vui hạnh phúc. Không những vậy thôi, Như Lai có thể ở yên, trầm lặng chẳng thốt một lời suốt hai, ba, bốn, năm, sáu, hay bảy ngày bảy đêm nhưng vẫn được hạnh phúc hoàn toàn. Như vậy các ông nghĩ thế nào? Giữa đức vua Bimbisara xứ Magadha và Ta, ai hạnh phúc hơn?"

- "Thầy Gotama đáng kính, nếu vậy thì Ngài hẳn được hạnh phúc an vui hơn vua xứ Magadha là Senya Bimbisara rồi".

-- *Trung Bộ, 14*

---o0o---

18. Giây oan trái nên mở chớ không nên buộc

Lúc nọ có xảy ra trong nhóm Tỳ kheo nhiều sự cãi vả tranh chấp đưa đến xung đột với nhau bằng võ lực. Dân chúng hay biết rất phiền hà bức bối. Những Tỳ kheo không liên can còn biết phải quấy đến thông báo, Đức Phật dạy: "Hỡi này các đệ tử! Khi tư cách bất tuân Giới Luật, vô phẩm hạnh và hận thù xâm chiếm các người, tốt hơn nên ngồi trên ghế cách xa nhau, mặc sức quơ tay múa chân, hoặc đấu khẩu, nhưng chớ nên ấu đả cùng nhau".

Nhưng lời khuyên hóa của Đức Thế Tôn chẳng có kết quả. Một Tỳ kheo khác tới cho Phật hay: "Con xin thành khẩn thỉnh Đức Thế Tôn, vì lòng từ bi bác ái ngự đến xem qua và dạy bảo".

Đức Phật liền ngự đến giữa nhóm Tỳ kheo đang xung đột và nhắc lại chuyện hoàng tử Dighavu con vua Dighiti xứ Kosala. Sau một cuộc chiến tranh, vua Dighiti bị phản bội thua trận và vua chiến thắng Brahmadata xứ Kasi bắt được vua Kosala cùng hoàng hậu đem đi hạ ngục để chờ ngày hành quyết.

"Hỡi này các Tỳ kheo! Lúc đó hoàng tử trẻ trung Dighavu phát tâm suy nghĩ: "Đã hèn lâu ta không được đến thăm viếng mẹ cha. Vậy ta sẽ lên đường nội hôm nay. Rồi chàng thanh niên Dighavu đi vào thành Bénarès

nhìn thấy vua cha và hoàng hậu bị trói ké bằng giây to, đầu cạo trọc và quân lính dẫn đi xuyên qua các đường phố giữa những tiếng trống vang rền. Thấy vậy chàng bước đến gần cha mẹ. Vua Dighiti xứ Kosala thấy con liền la lên: "Này Dighavu thân mến, con chớ nên để kéo dài... Con chớ nên nóng nảy vội vàng. Vì không thể lấy hận thù rửa được hận thù. Chỉ có dứt bỏ hận thù thì mới dập tắt được hận thù".

"Hỡi này các Tỳ kheo! Khi nghe vậy dân chúng nghĩ rằng: "Có lẽ ông vua Dighiti xứ Kosala này điên hay mê sảng? Chàng trai Dighavu chẳng liên can gì cả, tại sao ông ta lại nói: "Chớ để kéo dài... chớ để nóng nảy vội vàng?". Vua Dighiti trả lời: "Này các bạn, tôi không phải điên hay mê sảng gì cả. Kể nào thức thời sẽ hiểu được những lời tôi nói".

"Này các Tỳ kheo, những tên lính sau khi dắt vua Kosala và hoàng hậu đi khắp nẻo đường trong thành phố rồi trở ra theo cửa hướng nam. Chúng chặt đứt vua Kosala và hoàng hậu ra làm bốn khúc mang đi bỏ khắp bốn hướng ở ngoại thành, để lại người canh gác rồi rút lui.

"Khi ấy chàng thanh niên Dighavu liền đem theo rượu mạnh đi vào thành Bénarès cho quân lính gác uống say mèm. Khi chúng say té nằm la liệt dưới đất, Dighavu liền gom hài cốt cha mẹ lại để lên giàn hỏa tế lễ, chắp tay đi vòng quanh ba lần.

"Này các Tỳ kheo, xong việc chàng trai Dighavu liền đi vào rừng khóc than thảm thiết rồi gạt lệ trở lại thành Bénarès, đến các chuông tượng gần đền vua nói với tên nài trưởng: "Này ông, tôi rất mong học được nghề khiển voi".

- "Hỡi chàng thanh niên! Được lắm, chàng cứ vào đây mà học".

"Này các Tỳ kheo, lúc trời vừa rạng sáng, hoàng tử Dighavu từ trong chuông voi, với giọng thâm trầm kỳ diệu cất lên tiếng hát du dương, và thỉnh thoảng hòa cùng tiếng sáo mê hồn di chuyển theo luồng gió ban mai thanh khiết nhẹ nhàng. Đức vua Brahmadata xứ Kasi thức giấc vào lúc đó, nghe được giọng ngâm tiếng sáo hấp dẫn lạ thường liền phán hỏi quân hầu: "Vậy chớ kể nào từ sáng sớm ở trong chuông voi, thổi sáo và hát nghe êm tai tuyệt diệu như thế?".

- "Tâu Đại Vương, chính một chàng trai mới xin vào học nghề khiển voi cho ngài đó".

- "Vậy các ngươi hãy dẫn nó lại đây cho trẫm xem".

- "Dạ xin vâng".

"Khi Dighavu tới nơi, đức vua hỏi:

"Này chàng thanh niên hiền lành kia, có phải chính ngươi thổi sáo và hát trong lúc trời rặng sáng đó không?"

- "Tâu Đại Vương, phải".

- "Vậy nhà ngươi hãy thổi sáo và hát thêm cho trăm nghe nữa xem?"

"Hoàng tử Dighavu vâng lời và trở hết tài ba để tìm ân huệ và sự tin cậy của nhà vua.

"Vua Brahmadata xứ Kasi phán:

- "Này chàng trai hiền lành kia, vậy ngươi hãy ở lại đây hầu trăm".

"Chàng thanh niên Dighavu vâng lệnh và trở thành người hầu đáng tin cậy của vua.

"Chàng thức dậy sớm hơn vua, đi ngủ sau vua, vui lòng vâng dạ và hành sự theo mạng lệnh của ngài, có tánh nết điều hòa nhu thuận, lời nói dễ thương. Không lâu sau đó chàng được đức vua Brahmadata tín dụng luôn luôn sống cận bên ngài.

"Này các Tỳ kheo, ngày nọ đức vua Brahmadata xứ Kasi dạy: "Hỡi chàng trai thân mến! Ngươi hãy sắp đặt một cỗ long xa để chúng ta đi săn bắn".

"Thắng ngựa xong Dighavu đến tâu vua:

- "Tâu Đại Vương, long xa đã sắp đặt xong, xin ngài tùy tiện".

"Hỡi này các Tỳ kheo! Vua Brahmadata xứ Kasi ngự lên xe và chàng Dighavu cầm cương ngựa tìm cách tách khỏi quân lính tùy tùng phía sau rồi tẻ qua ngõ khác. Sau khi vượt hết một đoạn đường dài, nhà vua phán: "Này chàng trai thân mến, ngươi hãy dừng xe lại cho trăm năm nghỉ mệt một chút".

"Hoàng tử Dighavu vâng lời dừng xe lại, bước xuống đất ngồi trên hai cẳng. Đức vua Brahmadata nằm xuống gối đầu trên bắp vế chàng rồi ngủ mê man vì đi đường mệt mỏi.

"Này các Tỳ kheo, lúc đó chàng thanh niên Dighavu phát sanh ý nghĩ: "Nhà vua Brahmadata xứ Kasi này đã gây cho gia đình ta muôn vàn đau khổ. Do ông mà chúng ta mất hết quân lính, chiến xa, kho tàng, của cải, giang sơn. Đã vậy ông còn giết cha mẹ ta. Giờ đây đã đến lúc ta phải rửa sạch hận thù". Tính xong chàng rút gươm ra khỏi vỏ. Nhưng chàng chợt nhớ lại lời cha dặn khi trước: "Không nên để kéo dài, hỡi đứa con thân mến!... Không nên nóng nảy vội vàng. Vì hận thù không sao rửa được hận thù và chỉ có dứt bỏ hận thù mới mong dập tắt hận thù. Như vậy ta không nên cãi lời cha dạy". Nghĩ

xong, Dighavu để gương vào vỏ. Chàng suy đi nghĩ lại như vậy đến lần thứ hai, lần thứ ba rồi để gương vào vỏ.

"Hỡi này các Tỳ kheo! Lúc đó đức vua Brahmadata đang ngủ mê bỗng giật mình hoảng hốt. Chàng Dighavu hỏi: "Tâu Đại Vương, chẳng biết tại duyên có chi? Ngài đang ngủ ngon lành bỗng nhiên lại giật mình hoảng hốt, tỏ vẻ kinh hoàng sợ hãi như vậy?".

"Nhà vua đáp: "Hỡi người bạn trẻ! Trẫm ngủ nằm mộng thấy hoàng tử Dighavu con vua Dighiti xứ Kosala đang tuốt gương toan hạ sát ta nên mới giật mình hoảng hốt kinh hoàng sợ hãi như thế".

"Hỡi này các Tỳ kheo! Lúc ấy hoàng tử Dighavu đặt tay trái lên đầu vua Brahmadata, tay phải tuốt gương ra khỏi vỏ và nói: "Chính tôi là Dighavu đây. Tôi là đông cung thái tử của vua Dighiti xứ Kosala. Đại vương đã gây quá nhiều đau khổ cho gia quyến tôi. Ngài đã hủy diệt quân lính, chiến xa, kho tàng, của cải, giang san của chúng tôi. Đã vậy ngài còn giết hại cả cha mẹ tôi. Giờ đây đã đến lúc tôi phải rửa sạch hận thù".

"Này các Tỳ kheo, đức vua Brahmadata xứ Kasi liền cúi đầu quì mọp xuống chân Dighavu khẩn khoản: "Hỡi bạn thân mến Dighavu! Hãy tha chết cho trẫm, hãy để trẫm được toàn mạng".

"Dighavu trả lời:

- "Tâu Đại Vương, làm sao tôi có thể tha chết cho ngài đặng? Chính ngài nên dung tha cho tôi mới phải".

"Nhà vua đáp:

- "Thế thì xin chàng hãy tha chết cho trẫm và trẫm cũng để chàng được an toàn".

"Hỡi này các Tỳ kheo! Như thế vua Brahmadata và Dighavu đều hoan hỉ xóa bỏ hận thù tha chết cho nhau. Hai người nắm tay tuyên thệ sẽ không làm hại lẫn nhau".

"Rồi vua Brahmadata xứ Kasi phán:

- "Này bạn thân mến Dighavu, vậy chàng hãy sắp đặt long xa để chúng ta trở về". Dighavu vâng lời, hai người lên xe quay trở lại nhập vào đoàn quân hộ vệ.

"Hỡi này các Tỳ kheo, đức vua Brahmadata xứ Kasi về tới triều trong thành Bénarès liền cho hội tất cả quần thần và phán: "Này các khanh, nếu gặp được hoàng tử Dighavu con vua Dighiti xứ Kosala thì các khanh sẽ xử sự thế nào?"

"Vài vị quan tâu: "Tâu bệ hạ chúng tôi sẽ chặt tay chàng. Chúng tôi sẽ chặt chân chàng. Chúng tôi sẽ chặt luôn cả chân tay. Chúng tôi sẽ cắt tai chàng. Chúng tôi sẽ thêu mũi chàng. Chúng tôi sẽ cắt tai mũi chàng. Chúng tôi sẽ chặt đầu chàng".

"Đức vua phán:

- "Thì đây là hoàng tử Dighavu con vua Dighiti xứ Kosala. Nhưng trăm cấm nhật không cho ai đụng tới chàng. Vì chàng đã tha chết cho trăm và trăm cũng cam kết để chàng được toàn thân".

"Rồi vua Brahmadata xứ Kasi hỏi:

- "Hỡi bạn thân mến Dighavu! Nhưng tại sao cha chàng trước khi chết lại dặn: "Chớ nên để kéo dài... Chớ nên nóng nảy vội vàng?".

"Dighavu trả lời:

"Tâu Đại Vương, trước khi chết vua cha có dặn: "Chớ nên để kéo dài". Có nghĩa là không nên để hận thù kéo dài thêm nữa. Ngài nói: "Chớ nên nóng nảy vội vàng!" Có nghĩa là chớ nên nóng lòng lôi kéo bạn bè tấn công để rửa hận. Vua cha lại nói: "Không thể lấy hận thù rửa sạch hận thù, mà chỉ có dứt bỏ hận thù mới mong dập tắt hận thù". Có nghĩ là khi Đại Vương giết cha mẹ tôi, nếu tôi tìm cách hãm hại ngài thì tất nhiên quan quân của ngài sẽ giết tôi, rồi bè đảng của tôi tìm cách báo oán tàn sát lại quân lính của Đại Vương. Làm vậy không sao lấy hận thù để dập tắt hận thù được. Tâu Đại Vương nhưng giờ đây, Ngài đã tha mạng sống cho tôi và tôi cũng chẳng sát hại ngài. Như vậy sự dứt bỏ hận thù đã dập tắt hận thù. Đó là những lời trăng trối của vua cha trước khi thăng hà".

"Hỡi này các Tỳ kheo! Lúc đó vua Brahmadata xứ Kasi phán: "Tuyệt diệu thay! Chàng thanh niên Dighavu thật rất thông minh nên đã lĩnh hội được những lời trăng trối bóng gió khó hiểu của vua cha". Nói xong Ngài ra lệnh trả lại quân lính, chiến xa, kho tàng, của cải, đất đai cho Dighavu và gã luôn công chúa cho chàng."

Đức Thế Tôn thuyết tiếp:

"Này các Tỳ kheo, đó là tư cách bền tâm, nhẫn nại, nhu thuận của các vua chúa trị vì thiên hạ. Còn đối với các người là bậc xuất gia nương theo Giáo Pháp tìm đường thánh thiện, các người cũng phải bền tâm nhẫn nại thế nào để nghiêm trì Giới Luật bảo tồn Chân Lý chói ngời rạng rỡ trên khắp thế gian".

Đức Phật dạy thêm lần thứ hai và thứ ba nữa: "Vậy các người (những vị đang xung đột) hãy dừng lại, thôi tranh chấp, thôi xung đột, thôi cãi vã". Và

cũng ba lần các Tỳ kheo ngoan cố trả lời: "Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là bậc Pháp Vương, xin bèn tâm nhẫn nại để sống an vui hạnh phúc. Còn những chuyện cãi vã, tranh chấp, xung đột, ấu đả là phần trách nhiệm của chúng tôi... và chúng tôi vẫn tiếp tục".

Đức Phật nghĩ: "Bọn điên rồ này thật là ngoan cố, cứng đầu, ngả chấp quá đỗi và chẳng dễ gì dạy bảo". Nói xong Ngài đứng dậy ra về.

-- Đại Phẩm, Luật Tạng, X.2

Lời của dịch giả.

Sự việc trên đây chứng tỏ chẳng những chỉ hiện nay mới có xảy ra những sự bất hòa trong hàng Tăng chúng. Lúc Phật còn tại thế, trường hợp xung đột cãi vã giữa các Tỳ kheo cũng đã có lần gây căng lên cao độ đến nỗi Ngài không dàn xếp nổi và phải rút vào rừng vắng, bỏ mặc cho họ tranh chấp với nhau. Nhưng các tín đồ thời ấy sáng suốt khôn ngoan, khi biết rõ tự sự chẳng còn trong sạch dưng cúng vật thực nữa. Các Tỳ kheo ngoan cố, vì đời khổ thiếu thốn phải tìm thỉnh Phật về.

Hiện nay có nhiều phần tử xuất gia vô giới hạnh, ganh tị, chia rẽ, thù nghịch mà vẫn được các đệ tử cung phụng ẩm no đầy đủ nên vẫn hui hui tự đắc, ý lại, tiếp tục sấn bước trên đường tội lỗi để phá hoại Phật Giáo. Nếu chúng ta biết lựa ruộng tốt để gieo trồng như người xưa thì lợi ích biết bao?

Tôn chỉ của Đạo Phật là: "Từ bi, bác ái, vị tha, bèn tâm, nhẫn nhục". Thánh Gandhi cũng noi theo đường lối đó để tổ chức phong trào "Đề kháng bất bạo động" chống lại đế quốc Anh suốt 30 năm. Ông nói: "Sự nhẫn nhục bất bạo động khiến cho quả đấm của kẻ bạo tàn rơi vào khoảng trống, vô hiệu lực, vì không có phản ứng nào".

Trong câu chuyện trên đây, hai quốc vương Dighiti, Brahmadata và hoàng tử Dighavu đều là những nhân vật can trường, đức độ phi thường, nên đều biết xử sự đúng theo lẽ phải.

Vua Dighiti xứ Kosala bại trận và bị bắt cùng hoàng hậu, biết rằng thế nào cũng không tránh khỏi cái chết nên dặn con chớ nên báo oán.

Hoàng tử Dighavu rất thông minh hiếu thuận, thông thấu tội phước nghiệp quả, nên hành động theo lời trăng trối của vua cha, không ám hại kẻ thù.

Còn vua chiến thắng Brahmadata xứ Kasi không vì đó mà trở nên kiêu căng, tự đắc, bạo tàn, mà lại biết tôn trọng chữ Tín, biết đánh giá thái độ quân tử của đông cung Dighavu, nên trả lại tất cả giang san sự nghiệp và chọn chàng là phò mã.

Cổ nhân có nhiều đức tánh cương trực chân thành, biết xử sự đúng theo tinh thần Phật Giáo nên hằng được hạnh phúc an vui. Ngày nay con người quá mê say vật chất, tánh tình hẹp lượng ích kỷ, ngã chấp, hành động xấu xa vô ý thức để rồi cuộc phải chịu khổ đau. Câu chuyện trên đây đáng là tấm gương soi sáng muôn đời.

---o0o---

19. Khúc gỗ trôi ra biển cả

Đức Thế Tôn thuyết:

"Hỡi này các Tỳ kheo! Các người có nhìn thấy khúc gỗ đang trôi lều bều trên dòng nước sông Hằng đó không?"

"Nếu khúc cây đó không tấp vào bờ bên này hay đổ vào bờ bên kia. Nếu nó chẳng bị chìm dưới dòng nước đang chảy mạnh. Nếu nó không bị mắc kẹt dưới đáy sâu. Nếu nó không bị những chúng sanh thuộc nhân loại hoặc hạng phi nhân vớt đem đi. Nếu nó không bị nước lũ cuộn làm tan vỡ và nếu nó không mục thúi trong ruột thì tất nhiên khúc gỗ đó sẽ trôi suông sẽ ra tới ngoài khơi, nó từ từ trôi ra biển cả, nó sẽ lướt qua những lượn sóng ba đào, vượt khỏi các chướng ngại vật để trôi ra biển".

"Này các Tỳ kheo, thì cũng như thế ấy, nếu các người không tấp vào bờ bên này hay bờ bên kia. Nếu các người chẳng bị chìm dưới dòng nước đang chảy mạnh. Nếu các người không bị những chúng sanh thuộc nhân loại hay hạng phi nhân hãm hại. Nếu các người không bị nước lũ cuốn đi và nếu các người không mục thúi bên trong, thì các người sẽ hướng về Niết Bàn, từ từ trôi tới Niết Bàn. Các người sẽ vượt qua những trở ngại khó khăn để đến Niết Bàn".

"Này các Tỳ kheo, bờ biển này của sông Hằng là lãnh vực của lục căn với tánh cách chủ quan. Bờ bên kia là lãnh vực của lục căn với tánh cách khách quan. Chìm dưới dòng nước đang chảy mạnh ám chỉ lòng tham muốn vô bờ bến của người đời. Mắc kẹt dưới đáy sông là tâm ngã chấp, cố bám đời sống hảo huyền, cho rằng đây là thân ta, đây là của ta, đây là ta.

"Còn những chúng sanh thuộc nhân loại hãm hại các người như thế nào?"

"Đó là trường hợp người làm chủ gia đình bị dính mắc giữa lòng thế tục, vui thích hoặc phải chịu đau khổ vì đời, phải chia sẻ các niềm vui nỗi khổ với những kẻ sống quanh mình, luôn luôn bận rộn vì nhu cầu, vì sự ràng buộc gia đình chẳng biết tới khi nào mới làm xong nhiệm vụ.

"Còn các người bị hạng phi nhân thôn tính ra sao?"

"Đó là nói về kẻ xuất gia tìm đạo cứu cánh lại ước mong được sanh làm chư thiên. Người đó hằng khẩn nguyện như vậy: "Mong sao với công đức nhọc

nhân trên đường tu tập, khổ hạnh nghiêm trì giới luật đúng theo phẩm hạnh sa môn, tôi sẽ được tái sinh về cõi thiên đàng".

"Bị dòng nước lũ cuốn đi có nghĩa là sa vào bẫy ngu trần tội lỗi".

"Còn mục thúì bên trong là thế nào?"

"Đây là ám chỉ những con người thấp hèn đê tiện, vô giới hạnh nuôi mạng bất chánh xấu xa, hay giấu lỗi mình, thường khoe khoang tài đức. Là những bạn đồng hành hay lừa dối, xảo quyệt, cống cao, ngả mạng, thân tâm như bần, lòng dạ chứa đầy tham dục ví như đồng rác thúì tha."

-- *Tương Ưng Bộ IV*

Lời của dịch giả

Đức Phật ví thầy Tỳ kheo như khúc gỗ trôi sông, chẳng còn bị vật chi ràng buộc, bỏ nhà cửa thân thuộc ra đi tìm sống cảnh cô đơn trước những phong ba bão táp. Vậy người ấy phải ráng cẩn thận, đừng để dính mắc vào cạm bẫy của ma vương trong nhiều trường hợp xấu xa tội lỗi và chỉ chú tâm hướng về mục đích cuối cùng là Niết Bàn.

Người thế gian, từ vô thi, đã chịu ảnh hưởng vật chất nặng nề, có đủ trí óc thông minh và khả năng đem lại danh vọng tiền bạc rất dễ dàng, nhưng không tài nào thấu nổi thực tế của con người là ra sao. Vì lẽ đó họ cho đời là tươi đẹp và tranh đấu để củng cố kiếp nhân sinh ngắn ngủi là hợp lý.

Trên đây, Đức Phật cố ý khuyến hóa các bậc xuất gia nên cố gắng trau dồi giới đức, sáng suốt biết mình trong mỗi hành động, lời nói và tư tưởng, thì trước sau gì cũng thoát khỏi vòng sanh tử, cũng như khúc gỗ nổi lều bèu trên mặt nước vượt qua tất cả vật chướng ngại để trôi lặn ra biển cả.

---o0o---

20. Tư cách dứt bỏ

Có người tại gia cư sĩ tên là Potaliya đến viếng Phật và nói:

"Bạch Đức Thế Tôn, hiện nay tôi đã đình chỉ cuộc kinh doanh thương mại và bỏ tất cả công việc hàng ngày". Đức Phật đáp:

"Này người tại gia cư sĩ, những công việc hàng ngày mà người vừa nói là một chuyện. Còn các công việc hàng ngày theo đường lối của kẻ có đức hạnh là chuyện khác.

"Hỡi người tại gia cư sĩ! Có tám điều học mà người làm chủ gia đình cần phải thực hành để dứt bỏ công việc hàng ngày là:

- Không sát hai sanh vật và cố tránh sự sát hại.

- Không lấy vật gì của kẻ khác và cố tránh sự sang đoạt món chi không ai cho mình.
- Không nói dối và cố gắng dùng lời chân thật.
- Không nói xấu kẻ khác và cố tránh xa lời nói đâm thọc.
- Không ham muốn xấu xa và cố tránh sự tham lam.
- Không chỉ trích kẻ khác và cố tránh sự phê phán.
- Không nên sân hận và cố tránh sự nóng giận hung hăng.
- Không nên công cao ngạo mạn và ráng khiêm tốn nhân nhượng.

"Đó là tám công việc hàng ngày mà người đạo hạnh cần phải thực hành.

"Này người tại gia cư sĩ, ý nghĩa về điều học sát hại sanh vật là thế nào?"

"Ví dụ có người chủ gia đình phát tâm suy nghĩ: "Ta hãy ráng từ bỏ tánh hung bạo đối với các sanh vật, vì đó là điều chướng ngại rất tai hại. Nếu sát hại sanh vật ta sẽ bị lương tâm cắn rứt về sự hung hăng tàn bạo đó. Những kẻ thức thời hiền hậu biết được sẽ chê trách ta là người độc ác. Sau khi chết, xác thân tan rã ta sẽ bị đọa vào cảnh giới khốn cùng. Đó là điều trở ngại trên đường đạo đức. Tránh xa sát hại sanh vật khiến ta khỏi mang nghiệp dữ về sau.

(Đức Phật giải thích bảy điều học tiếp theo cũng với thể thức như trên).

"Hỡi người tại gia cư sĩ! Cũng như con chó thân hình ốm o gầy còi vì thiếu ăn, chạy vào lò thịt được tên đồ tể vắt cho khúc xương bò không dính chút thịt nào và còn rỉ ra vài giọt máu không sao đủ no lòng. Thì cũng như thế ấy, người giới tử cần nên suy nghĩ như vậy: "Những dục lạc và sắc trần nào có khác chi khúc xương khô không làm cho đỡ đói và chỉ mang lại nhiều đau khổ mà thôi".

"Nhờ sáng suốt biết nhận xét sự việc đúng theo thực tế chẳng còn lầm lẫn, người giới tử không cần quan tâm tới những điều vô ích tai hại và cố gắng tìm rõ chân lý, làm phát triển chân lý, ráng dập tắt tâm khao khát thèm thường về những vật cấu tạo trên thế gian cho đến mức độ chẳng còn tham muốn gì nữa.

"Hỡi người tại gia cư sĩ! Đó là phương thức từ bỏ đúng theo đạo hạnh của người giới tử tại gia. Đó là những công việc hàng ngày mà con người cao quý cần phải cố gắng thực hành".

-- Trung Bộ 1

21. Công phu hành đạo

"Hỡi các thầy Tỳ kheo! Như Lai không cho rằng tư cách giác ngộ có thể thành đạt dễ dàng mau chóng mà là kết quả của nhiều công phu kham khổ nhọc nhằn được thực hành từ giai đoạn đúng theo qui tắc với mức độ tiến triển nhịp nhàng suốt lịch trình tu tập.

"Trong trường hợp này, một người kia có đức tin tìm đến (bậc thiện tri thức) chú tâm, lắng tai nghe Giáo Pháp và cố gắng ghi nhớ nằm lòng. Người trác nghiệm mức quan trọng của Pháp học là thể nào và phát tâm thỏa thích trong Giáo Lý. Người trở nên nhiệt thành, thức tỉnh đạo tâm, cân nhắc chánh tà phải quấy rồi quyết định thực hành đường lối đúng theo hoài bảo. Người quan niệm Giáo Pháp là đúng chân lý rồi dùng trí thông minh phân tách, suy nghiệm, lĩnh hội một cách sáng suốt.

"Sau đây là bốn phương thức được dành cho người giới tử khi mới bước chân vào đạo:

- 1) Tinh tấn tránh xa các pháp xấu xa tội lỗi.
- 2) Tinh tấn lướt qua khỏi các điều thấp hèn đê tiện.
- 3) Tinh tấn làm cho tiến triển các pháp lành.
- 4) Tinh tấn bảo tồn những pháp cao thượng.

"Các người hãy nghe đây:

Tinh tấn tránh xa các pháp xấu xa: Trong trường hợp này người giới tử cố gắng trau dồi tâm trí chẳng cho nó khiêu gợi những tư tưởng hoặc hành động xấu xa tội lỗi khi chúng chưa phát sanh. Mỗi khi va chạm với sắc trần hay bất cứ vật gì người chẳng quan tâm đến và chú ý quán xét về các trạng thái đê tiện như nhớp của sắc trần. Người suy nghĩ về những nghiệp báo tai hại nếu không kiểm soát được lục căn.

Tinh tấn lướt qua khỏi các điều thấp hèn đê tiện: Người giới tử cố gắng rèn luyện thân tâm để vượt qua khỏi các pháp xấu xa tội lỗi đã phát sanh, đem hết nghị lực điều ngự tư tưởng và ráng hủy diệt chúng không cho tái diễn.

Tinh tấn làm cho phát triển các pháp lành: Người giới tử hướng thiện chí của mình về các việc lành chưa phát sanh làm cho Bảy Nguyên Tố Giác Ngộ (Bojjhanga) được tiến triển thêm, có tâm vui thích nơi thanh vắng, cố đập tắt phiền não để đi lần tới giải thoát.

Tinh tấn để bảo tồn những pháp cao thượng: Người giới tử luôn luôn chú tâm về những điều tốt tươi cao thượng đã phát sanh rồi, không để cho tư duy

cao đẹp đó tiêu tan, mà ráng làm cho nó phát triển đến mức độ toàn hảo (Bhavana), tâm trí luôn luôn sáng suốt chiến đấu.

"Này các Tỳ kheo, dù phải nương theo học hỏi với một ông giáo chủ thiếu đức hạnh, hằng ngày lo tom góp nhiều của cải lợi lộc, các trò của ông ta cũng không được tự do muốn làm gì thì làm, chẳng tuân theo kỷ luật. Các môn đệ cũng phải kính nể ông ta chứ không dám ngoan cố cứng đầu khó dạy, buông lung tùy ý".

"Như vậy, lúc tìm theo học hỏi với một Đấng Toàn Giác có Giới Luật trang nghiêm, sống ngoài nếp xa hoa, vất bỏ tiền tài danh lợi, thì hẳn người giới tử cần phải thu thúc kỷ cương như thế nào?

"Về điều này, khi một giới tử có đức tin trong Giáo Pháp và muốn nương theo Giáo Pháp tất nhiên phải nhìn nhận: "Đức Như Lai là Thầy Tổ và mình đây là trò. Ngài suốt thông tất cả, còn mình thì tối tâm ngu dốt".

"Có tánh phục tùng dễ dạy như thế, Giáo Pháp sẽ đem lại cho giới tử nhiều nghị lực và mau tấn hóa. Người lấy Giáo Pháp làm nguyên tắc và suy nghĩ: "Ta sẽ hết lòng tinh tấn cố công hành đạo. Dù cho thịt, da, gân, xương ta bị rả rời. Dù máu khô cạn ta cũng không thối chuyển. Ta quyết tâm tinh tấn trau dồi đạo hạnh nếu chưa đạt được mục đích mà con người có thể thành tựu bằng khả năng và nghị lực."

-- *Trung Bộ*

---o0o---

HẾT